

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á**

BIÊN BẢN GHI NHỚ ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

KHOẢN VAY 2968-VIE: DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BON THẤP

Từ ngày 22 đến ngày 28 tháng 4 năm 2017

I. GIỚI THIỆU

1. Ngày 12 tháng 12 năm 2012, ADB đã phê duyệt khoản vay với tổng số vốn 48,170,000 SDR (tương đương với 74.000.000 USD) cho nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đối với Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp (Dự án LCASP). Hiệp định Vay được ký kết vào ngày 7 tháng 3 năm 2013, có hiệu lực vào ngày 5 tháng 6 năm 2013 và sẽ đóng tài khoản vay vào ngày 30 tháng 6/2019.

2. Tác động dự kiến của Dự án là giảm ô nhiễm môi trường do chất thải nông nghiệp, với chất lượng nước tốt hơn do giảm chất thải chăn nuôi. Kết quả dự kiến là gia tăng tác động của Quản lý toàn diện chất thải nông nghiệp (ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp), với việc gia tăng sử dụng năng lượng Khí sinh học (KSH) sạch và phân bón hữu cơ. Để đạt được kết quả này, các đầu ra của Dự án là (i) Quản lý chất thải chăn nuôi; (ii) Tín dụng cho các chuỗi giá trị sinh học; (iii) Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp và (iv) Quản lý dự án hiệu quả. Việc thực hiện các hợp phần và tiểu hợp phần đang được thực hiện thông qua cơ quan chủ quản (EA), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) do Ban Quản lý Dự án Trung Ương (Ban QLDA Trung ương) thuộc Ban Quản lý các Dự án Nông nghiệp (APMB) và 12 cơ quan thực hiện (IAs) bao gồm các Ủy ban Nhân dân tỉnh của 10 tỉnh tham gia dự án (Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định, Hà Tĩnh, Lào Cai, Nam Định, Sóc Trăng, Sơn La và Tiền Giang) và 2 định chế tài chính (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - VBARD và Ngân hàng Hợp tác Việt Nam – Co-opBank).

3. Đoàn đánh giá giữa kỳ (MTR) đã thực hiện đánh giá dự án từ ngày 12 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016, qua đó ADB và Chính phủ Việt Nam đã thống nhất một số thay đổi của dự án bao gồm (i) bổ sung phạm vi tín dụng trong Hợp phần 2 vào “Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học và đầu tư quản lý chất thải nông nghiệp thân thiện với môi trường”; và (ii) Bổ sung Ngân hàng Chính sách Xã hội (VBSP) là một định chế tài chính tham gia Hợp phần 2 của Dự án. Việc phê duyệt các khuyến nghị của Đoàn đánh giá giữa kỳ của ADB bị trì hoãn khá lâu do các yêu cầu nội bộ kiểm tra việc bổ sung VBSP là một định chế tài chính tham gia dự án. ADB đã phê duyệt các khuyến nghị của Đoàn đánh giá giữa kỳ và thông báo tới CPMU vào ngày 24 tháng 2 năm 2017.

4. Đoàn đánh giá của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)¹ đã tới Việt Nam từ ngày 22 tới ngày 28 tháng 4 năm 2017 để làm việc với Chính phủ Việt Nam nhằm (i) rà soát tiến độ thực hiện tổng thể dự án; (ii) rà soát sự tuân thủ các hiệp định vốn vay và Khung Giám sát và Thiết kế dự án cập nhật; (iii) rà soát việc thực hiện các hoạt động được kiến nghị từ đoàn Đánh giá giữa kỳ; (iv) giải quyết các vấn đề còn tồn đọng; (v) cập nhật kế hoạch thực hiện chi tiết với kế hoạch trao thầu và giải ngân vốn vay ADB và vốn đối ứng cho các hoạt động chính của CPMU và các PPMU; và (vi) đi thực địa một số công trình khí sinh học của dự án.

¹ Đoàn Đánh giá bao gồm Ông Sanath Ranawana, Chuyên gia cao cấp kinh tế tài nguyên thiên nhiên (Trưởng đoàn), Bà Trương Thị Minh Huệ, Trợ lý Chuyên viên phân tích dự án, Bà Đỗ Thị Huyền, Tư vấn viên (Môi trường), Bà Trần Thúy Hải, Tư vấn viên (Giới) và Bà Phạm Ánh Tuyết, Tư vấn viên (An toàn xã hội).

5. Đoàn công tác đã gặp các đại diện của (i) Cơ quan chủ quản; (ii) 10 cơ quan thực hiện của các Tỉnh thuộc dự án; (iii) các đơn vị thuộc MARD (Vụ Hợp tác Quốc tế; Vụ tài chính; Cục Chăn nuôi; Cục Kinh tế hợp tác, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường). Danh sách những người đã gặp và tham dự cuộc họp tổng kết được trình bày trong Phụ lục 1.

6. Biên bản ghi nhớ này của Đoàn công tác được thảo luận trong cuộc họp tổng kết vào ngày 5 tháng 5 năm 2017 nhằm tổng hợp các phát hiện và các hoạt động được thông qua. Cuộc họp được chủ trì bởi ông Chu Văn Chương, Vụ Phó Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

II. RÀ SOÁT TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

A. Tiến độ chung

7. **Các hoạt động tiếp theo đã được thống nhất từ Đoàn đánh giá giữa kỳ:** Các hoạt động đã được thống nhất và tình hình triển khai các hoạt động này được trình bày trong Bảng 1. Trong tổng số 38 hoạt động tiếp theo được thống nhất, 22 hoạt động đã hoàn thành, 11 hoạt động đang thực hiện, 5 hoạt động đang trong quá trình chuẩn bị hoặc chưa thực hiện. Tuy nhiên, trong số các hoạt động đã hoàn thành, Đoàn ghi nhận rằng cần phải làm rõ hơn và điều này được ghi tại cột cuối cùng của bảng.

Bảng 1: Tình hình thực hiện các hoạt động tiếp theo được thống nhất từ Đoàn đánh giá trước

TT	Vấn đề	Hoạt động được thống nhất	Khung thời gian	Đơn vị chịu trách nhiệm	Tình trạng/Ghi chú
1	Hợp phần 1: Hạ tầng Quản lý chất thải chăn nuôi	(i) CPMU ước lượng số lượng thực tế của đối tượng hưởng lợi cho khoản Hỗ trợ Phát triển thị trường Carbon (ICMD) bổ sung từ PPMU và xây dựng quy trình đánh giá tính hợp lệ (Đoạn 12).	Tháng 12/2016	CPMU	Đã thực hiện; tuy nhiên PPMUs không thể trình bày chi tiết một cách rõ ràng.
		(ii) Chính sửa các tiêu chí hợp lệ để nhận hỗ trợ ICMD cho công trình KSH quy mô vừa (Đoạn 13) và thông báo cho các PPMU về quyết định ngừng hỗ trợ ICMD cho các công trình KSH quy mô lớn (Đoạn 14)	Tháng 3/2017	CPMU	Đã thực hiện; tuy nhiên PPMUs chưa hiểu rõ phương thức thúc đẩy các giải pháp toàn diện cho người sử dụng MBP.
		(iii) Phát triển mối liên kết giữa người hưởng lợi được hỗ trợ trong Hợp phần 1 và Hợp phần 3 (đoạn 13)	Tháng 3/2017	CPMU	Đã thực hiện. Mối liên kết đã được phát triển để hỗ trợ cho gói thầu bổ sung về máy phát điện. Tuy nhiên cần nỗ lực hơn nữa để PPMUs hiểu rõ về mối liên hệ giữa Hợp phần 1

TT	Vấn đề	Hoạt động được thống nhất	Khung thời gian	Đơn vị chịu trách nhiệm	Tình trạng/Ghi chú
					và 3.
		(iv) Hỗ trợ NBP đạt được tín chỉ CER cho các công trình KSH được hỗ trợ bởi Dự án (Đoạn 23)	Tiếp tục thực hiện cho tới khi kết thúc Dự án	CPMU	Đang thực hiện Hợp với SNV/BP để chuẩn bị kế hoạch làm việc chung.
		(v) Sửa đổi quy trình và mẫu kiểm tra ngẫu nhiên đối với công trình KSH bao gồm các chỉ tiêu đánh giá môi trường và báo cáo (Đoạn 19)	Tháng 3/2017	CPMU	Đang thực hiện LIC đang hoàn thiện bản dự thảo
2	Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục đầu tư quản lý chất thải chăn nuôi các bon thấp khác	(i) Yêu cầu Ngân hàng Nhà nước (SBV) đánh giá tính hợp lệ của Ngân hàng Chính sách Xã hội (VBSP)	Tháng 10/2016	CPMU	Đã thực hiện
		(ii) Theo dõi tiến độ đánh giá của Bộ tài chính (MOF) về báo cáo đánh giá của Ngân hàng nhà nước	Tháng 11/2016	CPMU	Đang thực hiện
		(iii) Dự thảo hiệp định vay giữa ADB và VBSP	Tháng 12/2016	ADB, VBSP	Đang chuẩn bị
		(iv) Hiệp định vay lại giữa MOF và VBSP	Tháng 12/2016	MOF, VBSP	Đang chuẩn bị
		(v) Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết khoản vay cho quý 2 và quý 3 năm 2017	Tháng 3/2017	Các định chế tài chính (FI)	Đang chuẩn bị
3	Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp	(i) Không phản đối cho Đề trình 0 của các gói nghiên cứu	Tháng 9/2016	ADB	Đã thực hiện đối với gói thầu số 25-28 Gói 29: Đã trình ADB yêu cầu lần thứ 6 đối với Hồ sơ đề trình lần 0
		(ii) Trao thầu các gói nghiên cứu	Tháng 7/2017	CPMU và ADB	Đang thực hiện Gói 25: đang yêu cầu đề xuất Gói 26: MARD đã phê duyệt Hồ sơ đề trình lần 1 Gói 27-28: ADB đã gửi thư không phản đối Hồ sơ đề trình lần 1
		(iii) Giải trình các lợi ích tham gia các mô hình	Tháng 10/2016	CPMU, PPMU và LIC	Đã thực hiện

TT	Vấn đề	Hoạt động được thống nhất	Khung thời gian	Đơn vị chịu trách nhiệm	Tình trạng/Ghi chú
		(iv) Cập nhật kế hoạch đấu thầu điều chỉnh bao gồm rà soát lại các gói mô hình để cung cấp những biện pháp can thiệp phù hợp nhằm đảm bảo đây là những mô hình thực hành tốt về ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp	Tháng 11/2016	CPMU	Chưa thực hiện Dự kiến cập nhật kế hoạch đấu thầu sau Đoàn đánh giá này
		(v) Cập nhật kế hoạch đào tạo (và ngân sách tương ứng) để giải trình rõ sự cần thiết và mối liên hệ giữa nghiên cứu, mô hình và các hoạt động đào tạo.	Tháng 10/2016	CPMU, LIC	Đã thực hiện
		(vi) Cập nhật kế hoạch đào tạo tổng thể chỉ rõ sự cần thiết của các hoạt động đào tạo, liên kết với nghiên cứu, mô hình và xác định nhóm mục tiêu và ngân sách tương ứng.	Tháng 12/2016	CPMU	Đã thực hiện
4	Hợp phần 4: Quản lý Dự án	(i) Trả lời các góp ý của ADB về báo cáo kiểm toán và kế hoạch hoạt động	30/9/2016	CPMU, 2 FI	Đã thực hiện
		(ii) Huy động tư vấn kiểm tra đánh giá chuỗi giá trị khí sinh học	Tháng 6 2017	CPMU và ADB	Đang thực hiện
		(iii) Đăng tải cơ sở dữ liệu về điều tra cơ bản trên website của Dự án	Tháng 11/2016	CPMU	Đã thực hiện
		(iv) Đánh giá nhu cầu mua sắm phần mềm M&E	Tháng 11/2016	LIC	Đã thực hiện
		(v) Thiết lập hệ thống M&E sử dụng cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản	Tháng 1/2017	LIC	Đã thực hiện
	Những khuyến nghị về an toàn môi trường	(i) Cải thiện chất lượng báo cáo về an toàn môi trường trong các báo cáo dự án định kỳ tiếp theo	Tháng 1/2017	CPMU/ LIC	Đã thực hiện
		(ii) Báo cáo giám sát nội bộ về an toàn môi trường được gửi ADB 2 lần/năm	Tháng 12/2016	CPMU/ LIC	Đã thực hiện
		(iii) Rà soát lại EMP với các biện pháp giảm thiểu cụ thể	Tháng 11/2016	LIC	Đã thực hiện
		(iv) Chỉ định cán bộ đầu mối môi trường ở PPMU	Tháng 11/2016	CPMU	Đã thực hiện
		(v) Thành lập bộ phận quản lý môi trường ở CPMU	Tháng 11/2016	CPMU	Đã thực hiện
		(vi) Thực hiện đánh giá nhanh môi trường và sàng lọc môi trường cho MBP và LBP để tránh những tác động tiêu cực đến môi trường	Tháng 12/2016	PPMU/L IC	Đang thực hiện
		(vii) Thực hiện IEE cho các MBP/LBP thuộc hạng mục B với EMP cụ thể để giảm thiểu tác động	Tháng 12/2016	PPMU/L IC	Đang thực hiện
		(viii) Tổ chức đào tạo cho PPMUs về an toàn môi trường	Tháng 3/2017	CPMU/ LIC	Chưa thực hiện
6	Những	(i) Huy động tư vấn giới và DTTS	Tháng	CPMU/	Đã thực hiện

TT	Vấn đề	Hoạt động được thống nhất	Khung thời gian	Đơn vị chịu trách nhiệm	Tình trạng/Ghi chú
	khuyến nghị về Dân tộc thiểu số	thuộc LIC để hỗ trợ CPMU và PPMU thực hiện IPDP bao gồm các hoạt động giám sát và báo cáo	10/2016	LIC	
(ii) Báo cáo giám sát nội bộ 2 lần/năm về thực hiện IPDP trong năm 2016 sẽ được trình ADB và đăng tải trên website ADB		Tháng 12/2016	CPMU/LIC	Đã thực hiện	
(iii) Tăng cường thông tin tuyên truyền tới các thôn bản để có sự tham gia sâu rộng hơn của người dân tộc thiểu số ở các tỉnh (Sơn La, Bắc Giang, Sóc Trăng, Lào Cai, Phú Thọ và Hà Tĩnh)		Tiếp tục thực hiện đến hết dự án	PPMU	Đang thực hiện	
(iv) CPMU và LIC giới thiệu lại các quy định trong IPDP tới 7 tỉnh nói trên (cho cán bộ PPMU, chính quyền địa phương, các cơ quan đoàn thể) để thực hiện IPDP tại khu vực		Tháng 12/2016	CPMU/LIC	Đã thực hiện	
7	Những khuyến nghị về Kế hoạch Hành động Giới (GAP)	(i) CPMU và PPMU tiến hành tập huấn nâng cao nhận thức về giới và tóm tắt GAP cho cán bộ chủ chốt của Dự án (ít nhất là điều phối viên, cán bộ đầu mối về giới, kỹ thuật viên như một hình thức đào tạo)	Tháng 12/2016	CPMU, PPMU	Đã thực hiện
(ii) CPMU/PPMU hướng dẫn lại yêu cầu về báo cáo (biểu mẫu, công cụ để thu thập số liệu phân tách theo giới và các dữ liệu liên quan cho báo cáo về GAP và các chỉ số theo DMF) và báo cáo GAP được thực hiện hàng quý như một phần của báo cáo tiến độ dự án gửi ADB		Tháng 12/2016	CPMU, PPMUs	Đã thực hiện	
(iii) PPMU sẽ chủ động tìm kiếm sự tham gia của phụ nữ trong các khóa đào tạo (đăng ký nhận hỗ trợ từ dự án) và các sự kiện phổ biến thông tin, tham vấn bao gồm cả tham vấn với các nhóm phụ nữ thông qua các cuộc họp của hội phụ nữ tại địa phương nhằm đạt được các mục tiêu về GAP (bao gồm các chỉ số điều chỉnh sau đánh giá giữa kỳ)		Tiếp tục thực hiện đến hết dự án	PPMU	Đang thực hiện	
(iv) Tư vấn giới của LIC sẽ hỗ trợ các PPMU thực hiện, giám sát và báo cáo về các chỉ số liên quan đến GAP		Tháng 10/2016	LIC, PPMU	Đang thực hiện	
8	Đoàn đánh giá tiếp theo	Đoàn đánh giá tiếp theo	Tháng 3/2017	ADB	Đã thực hiện

8. Đoàn công tác và Ban QLDA Trung ương ước tính tiến độ thực hiện tổng thể của Dự án tính đến 31/3/2017 đạt được 17,35% (**Phụ lục 2**) dựa trên tiến độ của các hợp phần dự án trong 66% thời gian của khoản vay. Nhìn chung, Dự án đã đạt được tiến độ tốt về mặt đáp ứng các mục tiêu ban đầu ở các mức độ tác động và kết quả.

B. Tiến độ thực hiện Dự án theo Hợp phần

Hợp phần 1: Hạ tầng Quản lý chất thải chăn nuôi

9. **Mục tiêu điều chỉnh sau MTR.** Các chỉ số thực hiện chính trong hợp phần này gồm: (i) 65.000 công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 40 công trình khí sinh học quy mô vừa và 2 công trình khí sinh học quy mô lớn và cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị đi kèm được xây dựng và vận hành tới tháng 6 năm 2019. Tối thiểu 5% tổng số công trình khí sinh học quy mô nhỏ sẽ được xây dựng cho dân tộc thiểu số tại các Tỉnh dự án; (ii) Hỗ trợ tài chính ICMD được chuyển đầy đủ vào tối thiểu 65.042 tài khoản của người hưởng lợi tới tháng 6 năm 2019; (iii) 65.000 người sử dụng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 500 thợ xây, 500 kỹ thuật viên, 28 kỹ sư và 10 nhà thầu được đào tạo tới tháng 6 năm 2019. Tối thiểu 50% học viên về sử dụng khí sinh học là phụ nữ; 7% học viên về xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, và 20% học viên được đào tạo về quản lý khí sinh học và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ; và (iv) Một cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học duy nhất được quản lý hiệu quả tới năm 2017, bao gồm việc đăng ký dưới tên cả vợ và chồng.

10. **Tiến độ: Công trình khí sinh học quy mô nhỏ (SBP).** Tính đến ngày 31/3/2017, 45.869 SBP đã được xây dựng, trong đó 3.135 SBP được xây dựng cho dân tộc thiểu số tại các Tỉnh dự án đạt 6,83%. Khoản hỗ trợ tài chính (3 triệu VND/người hưởng lợi) đã được chuyển tới 41.962 tài khoản của người hưởng lợi. Chưa có công trình khí sinh học quy mô nhỏ nào được hỗ trợ theo mục tiêu bổ sung thêm 14.000 công trình khí sinh học quy mô nhỏ đã được thống nhất trong Đoàn đánh giá giữa kỳ do việc hướng dẫn PPMU về việc tăng số tiền hỗ trợ ICMD và tiêu chí lựa chọn người hưởng lợi mới được thông báo đến PPMU vào ngày 12/4/2017². CPMU không thể ban hành hướng dẫn khi chưa có sự phê duyệt chính thức của các cơ quan có thẩm quyền của ADB và Chính phủ về các khuyến nghị của Đoàn đánh giá giữa kỳ.

11. **Các phát hiện.** Đoàn đã tới thăm các hộ dân đã lắp đặt công trình khí sinh học quy mô nhỏ tại Tỉnh Sóc Trăng và Sơn La và ghi nhận rằng các công trình này đã có tác động tích cực đến môi trường sinh học cũng như điều kiện kinh tế xã hội của hộ dân. Tuy nhiên có một số vấn đề như sau: (i) kích thước của hầm khí sinh học quy mô nhỏ được xây dựng tại một số hộ quá nhỏ so với lượng chất thải, dẫn đến tình trạng quá tải và gây hư hỏng công trình khí sinh học. (ii) Một số đối tượng hưởng lợi tiềm năng, đặc biệt là các hộ nghèo, mong muốn được tham gia vào cả Hợp phần 1 và Hợp phần 2 của dự án vì họ không có đủ tài chính để xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ; (iii) Một số nhà cung cấp bể KSH composite đã không bảo hành kịp thời khi bể không hoạt động, gây ra sự không hài lòng cho những người hưởng lợi; (iv) Một số tỉnh (Bắc Giang, Nam Định, Hà Tĩnh, Tiền Giang) gần như đã hoàn thành mục tiêu xây dựng SBP với khoản hỗ trợ ICMD là 3 triệu VND/SBP, tuy nhiên số người hưởng lợi theo tiêu chí mới ở các tỉnh này lại rất hạn chế.

12. **Công trình khí sinh học quy mô vừa (MBP) và Công trình khí sinh học quy mô lớn (LBP).** Tính đến ngày 31/3/2017, 8 MBP³ tại tỉnh Phú Thọ và tỉnh Hà Tĩnh, và 2 LBP⁴ tại tỉnh

² Khoản hỗ trợ ICMD tăng lên 5 triệu VND/ người hưởng lợi nếu hộ dân đáp ứng ít nhất một trong những tiêu chí sau:: (i) được phân loại là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg (ngày 19/11/2015) về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; (ii) hộ gia đình có phụ nữ là trụ cột; và (iii) là hộ gia đình dân tộc thiểu số.

³ MBP: từ 51 – 499 mét khối.

Nam Định đã được xây dựng, trong đó đã hỗ trợ ICMD cho 6 người hưởng lợi. Đoàn công tác nhấn mạnh rằng từ ngày 12/4/2017, để có thể nhận được khoản hỗ trợ 50 triệu VND, người sử dụng MBP phải cam kết sử dụng toàn bộ khí gas sản xuất ra và có đánh giá nhanh về môi trường. Tuy nhiên một vài PPMU dường như chưa hiểu rõ làm thế nào để khuyến khích người sử dụng MBP đảm bảo việc sử dụng triệt để khí sinh học.

⁴ LBP: từ 500 mét khối trở lên.

Bảng 2: Hiện trạng xây lắp công trình khí sinh học theo tỉnh (tính đến 31/3/2017)

TT	Tỉnh	Công trình khí sinh học được xây dựng							Nguồn vốn ICMD đã hỗ trợ
		Nhỏ	Vừa	Lớn	Tổng	Tỷ lệ	Dân tộc thiểu số	Tỷ lệ	
0	CPMU								
1	Lào Cai	2.314			2.314	5,0%	854	1,86%	2.067
2	Sơn La	1.879			1.879	4,1%	925	2,02%	1.849
3	Phú Thọ	8.312	4		8.316	18,1%	115		6.573
4	Bắc Giang	7.245			7.245	15,8%	394	0,86%	7.000
5	Nam Định	4.233		2	4.235	9,2%			4.102
6	Hà Tĩnh	4.843	4		4.847	10,6%			4.352
7	Bình Định	7.002			7.002	15,3%			6.668
8	Tiền Giang	2.629			2.629	5,7%			2.488
9	Bến Tre	4.734			4.734	10,3%			4.395
10	Sóc Trăng	2.678			2.678	5,8%	847	1,85%	2.468
	Tổng	45.869	8	2	45.879	100%	3.135	6,83%	41.962

13. **Tập huấn về biogas:** Dự án đã đào tạo được 46.716 người sử dụng công trình khí sinh học quy mô nhỏ (16.433 người sử dụng SBP là nữ, chiếm 35,20%), 375 thợ xây (19 thợ xây là nữ, chiếm 5,07%), 1.180 kỹ thuật viên (277 kỹ thuật viên là nữ, chiếm 23,47%), 28 kỹ sư và 10 nhà thầu. Dự án cũng đã phát hành (i) sổ tay hướng dẫn xây dựng/lắp đặt công trình khí sinh học quy mô nhỏ; (ii) sổ tay hướng dẫn vận hành công trình khí sinh học quy mô nhỏ; (iii) sổ tay hướng dẫn xây dựng/lắp đặt công trình khí sinh học HDPE quy mô vừa và lớn; (iv) sổ tay hướng dẫn vận hành công trình khí sinh học HDPE quy mô vừa và lớn; (v) một sách hướng dẫn xây dựng công trình KSH cỡ vừa dạng vòm cố định. Tổng cộng dự án đã tổ chức 1.730 khóa tập huấn.

Bảng 3: Đào tạo người sử dụng, thợ xây, kỹ thuật viên, kỹ sư và nhà thầu (tính đến 31/3/2017)

TT	Tỉnh	Đào tạo người sử dụng, thợ xây, kỹ thuật viên, kỹ sư và nhà thầu (Hợp phần 1)								
		Người sử dụng	Người sử dụng là nữ	Thợ xây	Thợ xây là nữ	Kỹ thuật viên	Phụ nữ tham gia quản lý và các vấn đề kỹ thuật	Kỹ sư	Kỹ sư là nữ	Nhà thầu
0	CPMU					681	178	28	4	10
1	Lào Cai	2.303	506	49	4	27	7			
2	Sơn La	1.627	461	29	0	53	11			
3	Phú Thọ	7.248	2.838	41	6	107	33			
4	Bắc Giang	7.000	1.599	19	1	43	11			
5	Nam Định	3.977	1.624	0	0	40	8			
6	Hà Tĩnh	6.007	2.715	93	2	56	14			
7	Bình Định	6.860	3.103	25	0	53	8			
8	Tiền Giang	2.604	1.061	34	0	25	4			
9	Bến Tre	5.987	1.754	28	5	22	1			
10	Sóc Trăng	3.103	782	57	1	73	2			
	Tổng	46.716	16.443	375	19	1.180	277	28	4	10
	Tỷ lệ		35,20%		5,07%		23,47%			

14. **Cơ sở dữ liệu Khí sinh học Quốc gia:** Đoàn ghi nhận rằng tính đến 31/3/2017, cơ sở dữ liệu khí sinh học Quốc gia đã được thiết lập; phần mềm dữ liệu công trình khí sinh học đã được mua sắm. 31.772 công trình khí sinh học thuộc dự án đã được nhập vào cơ sở dữ liệu với 24.844 công trình khí sinh học được nhập dưới tên của cả vợ và chồng. Tuy nhiên, trong quá trình nhập dữ liệu đã xảy ra một số lỗi như không thể lưu dữ liệu sau khi nhập.

15. **Giám sát môi trường chăn nuôi và thiết bị quản lý cơ sở dữ liệu khí sinh học.** ADB đã có thư không phản đối Hồ sơ mời thầu gói thầu số 14 vào ngày 18/11/2016. CPMU đã trình APMB Hồ sơ mời thầu gói thầu này vào tháng 01/2017, tuy nhiên cho đến nay, APMB vẫn chưa phê duyệt để phát hành Hồ sơ mời thầu. Gói thầu này cần phải tiến hành mua sắm càng sớm càng tốt để cung cấp thiết bị cho các Tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra các công trình khí sinh học với thiết bị giám sát môi trường.

16. **Hành động cần thực hiện**

- (i) **SBP.** (i) Tập huấn cho người sử dụng SBP nên bao gồm các nội dung từ quản lý đến kỹ thuật như tình trạng quá tải của SBP hoặc dư thừa khí gas kết hợp thực hành trình diễn nhỏ. (ii) PPMU nên tham vấn các hộ dân tiềm năng xem họ có nhu cầu vay tín dụng từ Hợp phần 2 hay không. (iii) PPMU nên liên hệ với các nhà cung cấp SBP loại composite đã được phê duyệt để đảm bảo rằng họ cung cấp đúng mẫu SBP cho hộ dân với kế hoạch bảo trì tốt; (iv) CPMU và mỗi PPMU nên đánh giá mục tiêu cung cấp khoản hỗ trợ ICMD 3 triệu VND và 5 triệu VND và xác định xem có thể đạt được các mục tiêu tương ứng là 51.000 công trình và 14.000 công trình hay không.
- (ii) **MBP.** CPMU và PPMU cần xây dựng hướng dẫn cụ thể để thông báo cho những người sử dụng MBP về các điều kiện (như cam kết sử dụng toàn bộ khí do công trình khí sinh học sinh ra và thực hiện đánh giá nhanh về môi trường), để họ có thể nhận được khoản hỗ trợ ICMD. Ngoài ra, người sử dụng MBP phải được hỗ trợ kỹ thuật về thiết kế các giải pháp để đáp ứng các điều kiện này.
- (iii) **Cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học Quốc gia.** CPMU liên hệ với nhà cung cấp phần mềm để sửa lỗi phần mềm sớm nhất có thể.
- (iv) **Gói thầu số 14.** APMB sẽ phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu này. Sau đó CPMU đẩy nhanh tiến độ đấu thầu để có thể trao thầu vào tháng 7/2017.

Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học (BVC) và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác

17. **Mục tiêu sửa đổi sau Đánh giá giữa kỳ (ĐGGK).** Các chỉ số chất lượng thực hiện chính cho hợp phần này là: (i) 50% người nhận tín dụng được đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc đăng ký dưới tên của phụ nữ tính đến tháng 6/2019; và (ii) ít nhất 15.000 hộ chăn nuôi được tiếp cận với tín dụng cho BVC và các khoản đầu tư khác vào quản lý chất thải nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu từ các Định chế tài chính tính đến tháng 6/2019.

18. **Tiến độ.** Cả hai định chế tài chính là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (VBARD) và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (Co-opbank), đều gặp khó khăn trong việc cung cấp khoản vay cho các hộ chăn nuôi. Trong số 29,817 triệu US\$, các định chế này mới chỉ giải ngân được 15 tỷ VND (tương đương với 0,667 triệu US\$) tính đến 31/3/2017 như minh họa trong Bảng 4 dưới đây.

19. **Bổ sung Ngân hàng chính sách xã hội (VBSP) vào các định chế tài chính.** Sau khi ADB ra thư không phản đối về những thay đổi trong Biên bản ghi nhớ của ĐGGK vào ngày 27/2/2017, chấp nhận bổ sung VBSP, ADB và VBSP đã làm việc với nhau để hoàn tất dự thảo

Thỏa thuận dự án để chuẩn bị ký. Hiện nay các vấn đề đã được giải quyết và Thỏa thuận dự án dự kiến sẽ được ký trong tháng 5.

Bảng 4: Tình hình hợp phần tín dụng (tính đến 31/3/2017)

TT	Tỉnh	Tín dụng_số khoản vay						
		Số khoản vay_VBARĐ	Tài khoản đứng tên phụ nữ	Số khoản vay_Coopbank	Tài khoản đứng tên phụ nữ	Tổng số khoản vay	Tài khoản đứng tên phụ nữ	Tỉ lệ %
0	CPMU							
1	Lao Cai	125	57			125	57	45,60%
2	Son La							
3	Phu Tho	5	0			5	0	0,00%
4	Bac Giang	53	5	74	11	127	16	12,60%
5	Nam Dinh							
6	Ha Tinh							
7	Binh Dinh	15	0	51	12	66	12	18,18%
8	Tien Giang	18	5			18	5	27,78%
9	Ben Tre							
10	Soc Trang							
	Tổng	216	67	125	23	341	90	26,39%

20. Phái đoàn ghi nhận giá thịt lợn giảm. Điều này có thể ảnh hưởng đến các khoản tín dụng.

21. **Hành động cần thực hiện:**

- (i) ADB và VBSP hoàn tất Thỏa thuận dự án để ký kết
- (ii) CPMU tiếp tục làm việc với MOF về đánh giá của SBV đối với VBSP
- (iii) VBSP ký Hiệp định dự án với ADB, và Hiệp định cho vay lại với MOF
- (iv) VBSP lập kế hoạch cho vay cho các quý III và IV năm 2017

Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)

22. **Mục tiêu sửa đổi sau ĐGGK.** Các chỉ số chất lượng thực hiện chính cho hợp phần này là: (i) Xây dựng chiến lược nghiên cứu CSAWMP và tiến hành nghiên cứu về ít nhất 6 chủ đề CSAWMP tính đến tháng 6/2019. Ít nhất 2 chủ đề nghiên cứu có lồng ghép các vấn đề về giới; (ii) Ít nhất 7 mô hình CSAWMP được trình diễn thành công và phổ biến ở 10 tỉnh dự án tính đến tháng 6/2019; và (iii) Ít nhất 7.000 nông dân, 700 cán bộ khuyến nông, và 200 cán bộ nghiên cứu được đào tạo về CSAWMP tính đến tháng 6/2019. Ít nhất 50% nông dân và 30% cán bộ khuyến nông được đào tạo là phụ nữ.

23. **Tiến độ. Nghiên cứu ứng dụng dựa trên trang trại thực tế.** Trong số 6 chủ đề được duyệt trong đợt ĐGGK, ADB đã ra thư không phản đối cho Đề trình số 1: Đánh giá hồ sơ bày tỏ sự quan tâm và Danh sách ngắn 4 gói nghiên cứu (từ gói 25 đến 28). Đề trình 0: Điều khoản tham chiếu và Dự toán của Gói 29 đã được trình lên ADB xem xét sau nhiều lần trao đổi giữa ADB và EA. ADB và EA đã thống nhất hủy gói 30 sau khi EA nộp Đề trình 0: Điều khoản tham chiếu và Dự toán cho ADB xem xét vì quy mô của gói này không đóng góp trực tiếp vào các

sản phẩm, kết quả và tác động của dự án. Trong số các gói được duyệt, Đoàn đánh giá lưu ý rằng các vấn đề về giới chưa được lồng ghép trong ít nhất là 2 chủ đề nghiên cứu.

Bảng 5: Hiện trạng các gói nghiên cứu (tính đến 31/3/2017)

Gói số	Tên gói	Dự toán (US\$)	Hiện trạng
25	Nghiên cứu sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học theo chuỗi giá trị	1,200,000	ADB đã ra thư NOL cho Đề trình số 1
26	Nghiên cứu cải thiện công nghệ khí sinh học và sử dụng hiệu quả khí sinh học theo chuỗi giá trị	1,000,000	ADB đã ra thư NOL cho Đề trình số 1
27	Nghiên cứu về công nghệ chăn nuôi lợn tiết kiệm nước	600,000	ADB đã ra thư NOL cho Đề trình số 1
28	Nghiên cứu sử dụng hiệu quả chất thải trồng trọt theo chuỗi giá trị	1,000,000	ADB đã ra thư NOL cho Đề trình số 1
29	Nghiên cứu xử lý bùn thải nuôi tôm ở các ao nuôi tôm	800,000	EA đã nộp Đề trình 0 cho ADB để xem xét
30	Nghiên cứu kỹ thuật canh tác giảm phát thải khí nhà kính	1,018,000	Đã hủy

24. **Mô hình trình diễn CSAWMP.** Một hoạt động khác trong sản phẩm này là mô hình trình diễn CSAWMP. Mục tiêu của trình diễn là chứng tỏ được các phương thức quản lý chất thải nông nghiệp tốt có tiềm năng để nhân rộng trong khu vực Dự án. ADB đã ra thư không phản đối cho Hồ sơ mời thầu của gói 32 vào ngày 22/11/2016. Tuy nhiên, tính đến ngày 31/3/2017, Báo cáo đánh giá thầu của gói này vẫn chưa được nộp cho ADB để xem xét. Hồ sơ mời thầu của các gói hậu kiểm khác từ số 33 đến 38 chưa được phát hành dẫn đến chậm trễ trong tiến độ đấu thầu.

Bảng 6: Danh sách các gói trình diễn (tính đến 31/3/2017)

Gói số	Tên gói	Tỉnh	Dự toán (US\$)	Hiện trạng
32	Mô hình trình diễn cung cấp thiết bị tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ	Bac Giang, Ben Tre, Binh Dinh, và Phu Tho	1,340,909	Đã phát hành HSMT
33	Mô hình trình diễn cung cấp thiết bị tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ	Ha Tinh, Nam Dinh, Soc Trang, Son La, và Tien Giang	1,109,092	Chưa phát hành HSMT

34	Mô hình trình diễn cung cấp máy phát điện khí sinh học và máy tách phân để quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi	Binh Dinh, Ha Tinh, Nam Dinh và Soc Trang	322,727	Chưa phát hành HSMT
35	Mô hình trình diễn cung cấp máy tách phân di động để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ ở quy mô hộ gia đình	Bac Giang, Ben Tre, Binh Dinh và Lao Cai	477,272	Chưa phát hành HSMT
36	Mô hình trình diễn cung cấp máy phát điện khí sinh học	Binh Dinh, Ha Tinh, Lao Cai, Soc Trang và Tien Giang	513,637	Chưa phát hành HSMT
37	Mô hình trình diễn cung cấp hệ thống xử lý nước thải sau hầm KSH làm phân bón cho cây trồng	Soc Trang và Binh Dinh	204,545	Chưa phát hành HSMT
38	Mô hình trình diễn cung cấp hệ thống xử lý phân chuồng làm nguyên liệu nuôi trùn quế	Soc Trang	77,273	Chưa phát hành HSMT

25. **Hệ thống thông tin CSAWMP.** Tính đến 31/3/2017, EA đã nộp Đề trình số 2: Đánh giá đề xuất kỹ thuật Gói 14: Thiết kế, giám sát, cài đặt và chuyển giao công nghệ hệ thống thư viện điện tử cho ADB để xem xét. Hợp đồng của gói này dự kiến sẽ được trao vào Quý II năm 2017. Gói thiết bị cho hệ thống thông tin này dự kiến được thực hiện vào Quý I năm 2018.

26. **Tăng cường năng lực về CSAWMP.** Dự án đã hỗ trợ 5 chương trình dạy nghề cho nông dân (chuẩn bị giáo trình đào tạo dạy nghề cho nông dân thực hiện bởi Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn) về các chủ đề sau: (i) sản xuất phân vi sinh từ phân chuồng và chất thải từ mía; (ii) kỹ năng sửa chữa và bảo trì thiết bị khí sinh học; (iii) nuôi trùn quế quy mô nhỏ từ phân gia súc và gia cầm; (iv) sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm trồng trọt; và (v) sản xuất phân hữu cơ từ phân lợn. Dự án đã cam kết hỗ trợ Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc Bộ NN&PTNT để sản xuất thêm 3 chương trình dạy nghề nữa về các chủ đề: (i) sản xuất đệm lót sinh học cho chăn nuôi; (ii) sản xuất thức ăn chăn nuôi từ phế phụ phẩm trồng trọt; và (iii) sản xuất than sinh học từ phế phụ phẩm trồng trọt. Đoàn Giám sát thấy rằng một số chủ đề ở đây trùng với một số chủ đề trong các gói nghiên cứu nhưng ở quy mô hộ gia đình và không được phát triển một cách toàn diện theo cấp độ chuỗi giá trị như trong các gói nghiên cứu.

Bảng 7: Số người được đào tạo về CSAWMP (tính đến 31/3/2017)

	Tỉnh	Số người được đào tạo về CSAWMP (Hợp phần 3)			
		Nông dân	Nông dân nữ	Cán bộ khuyến nông	Cán bộ khuyến nông nữ
0	CPMU			236	54
1	Lao Cai	537	203	18	3
2	Son La	148	83	212	93
3	Phu Tho	845	528		
4	Bac Giang	900	615	37	21
5	Nam Dinh	1,819	919		
6	Ha Tinh	33	15	599	323
7	Binh Dinh	669	107	352	58
8	Tien Giang	1,074	756		
9	Ben Tre			322	60
10	Soc Trang	1,005	338		
	Tổng	7,030	3,564	1,776	612
	Phần trăm		50.70%		34.46%

27. Hành động cần thực hiện:

- (i) CPMU đẩy nhanh quá trình đấu thầu các gói nghiên cứu 25-29 để các hợp đồng của các gói này có thể được ký vào Quý III, 2017.
- (ii) CPMU phân bổ lại ngân sách của gói nghiên cứu 30 đã bị hủy cho các gói khác. Kế hoạch đấu thầu cũng cần được cập nhật theo.
- (iii) CPMU gửi Báo cáo đánh giá thầu của gói 32 cho ADB để xem xét. Hợp đồng của gói này dự kiến được ký vào tháng 5/2017.
- (iv) CPMU phát hành HSMT của các gói hậu kiểm khác từ gói 33 đến 38. Hợp đồng của các gói này dự kiến được ký vào tháng 7/2017.

Hợp phần 4: Quản lý dự án hiệu quả

28. **Mục tiêu sửa đổi sau ĐGGK.** Các chỉ số chất lượng thực hiện chính của hợp phần này là: (i) Thành lập một Ban QLDATEW (CPMU) và 10 PPMU (PPMU) và đưa vào hoạt động với đầy đủ cán bộ và trang thiết bị tại Bộ NN&PTNT vào quý 1 năm 2013. Ít nhất 30% cán bộ là nữ và cán bộ đầu mối về giới được chỉ định vào năm 2014; và (ii) Hệ thống giám sát đánh giá dự án (PPMS) bao gồm các số liệu về giới và dân tộc thiểu số được thu thập và báo cáo vận hành hiệu quả ở 10 tỉnh vào năm 2015.

29. **Tiến độ. CPMU và PPMU.** CPMU và 10 PPMU đã được thành lập vào quý 2 năm 2013 và có đầy đủ cán bộ. Tính đến 31/3/2017, 55 trên tổng số 124 cán bộ (tương đương với 44,35%) của CPMU và PPMU là nữ. Cán bộ đầu mối về giới đã được chỉ định vào tháng 7/2016.

30. **Tư vấn thực hiện dự án (LIC).** Nhóm LIC (trước đây gọi là Dịch vụ tư vấn quản lý dự án) mãi đến tháng 11/2015 mới được huy động (30 tháng sau khi hiệp định vay có hiệu lực). Từ khi huy động, công ty tư vấn đã thay thế 9 trên 24 chuyên gia do các lý do cá nhân của các chuyên gia. Đoàn giám sát lưu ý rằng sự thay thế thường xuyên này đã làm gián đoạn quá trình triển khai dự án. Tuy nhiên, đoàn cũng thấy rằng nhóm LIC hiện nay đã có đầy đủ nhân sự và đang hỗ trợ CPMU và các PPMU rất tốt.

C. Đấu thầu xây lắp, hàng hóa và dịch vụ tư vấn

31. **Tiến độ.** Tổng giá trị hợp đồng đấu thầu xây lắp, hàng hóa và dịch vụ đã thực hiện là 3,37 triệu US\$, khoảng 5% tổng chi phí dự án (66,498 triệu US\$). Những hợp đồng chính đã ký gồm Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, Kiểm toán dự án, Các tư vấn cá nhân, Điều tra cơ bản, Phần mềm kế toán, Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, Bộ bản đồ về các vùng nông nghiệp, Phim tài liệu và Tài liệu về CSAWMP. Dựa trên Kế hoạch đấu thầu mới nhất đã được duyệt, các gói thầu chính trong 18 tháng tiếp theo gồm Đánh giá các Chuỗi giá trị khí sinh học, 5 gói nghiên cứu, thiết bị quan trắc môi trường chăn nuôi và quản lý cơ sở dữ liệu khí sinh học, hệ thống thư viện điện tử (2 gói), Kiểm toán dự án (Giai đoạn 2), phần mềm Giám sát và Đánh giá Dự án cho CPMU và 10 PPMU, và 7 gói trình diễn, với tổng số vốn 11,35 triệu US\$.

32. **Phát hiện.** Đoàn đánh giá ghi nhận sự lo ngại về tiến độ đấu thầu của hầu hết các gói bao gồm 5 gói nghiên cứu, Thiết bị giám sát môi trường chăn nuôi và quản lý cơ sở dữ liệu khí sinh học, gói dịch vụ tư vấn thư viện điện tử, Phần mềm giám sát và đánh giá dự án cho CPMU và 10 PPMU, và 7 gói mô hình trình diễn. Các gói này bị chậm tiến độ rất nhiều do năng lực hạn chế của EA trong việc lập hồ sơ mời thầu và thủ tục phê duyệt của APMB. Kế hoạch đấu thầu cập nhật trong Phụ lục 3 bao gồm một số thay đổi về phương thức đấu thầu (gói nghiên cứu 25 và 26), thay đổi số lô thầu (gói nghiên cứu 36) hoặc bổ sung gói (gói phổ biến thông tin 39 và 40).

D. Giám sát đánh giá dự án và báo cáo

33. **Phát hiện.** Những vấn đề tồn đọng được nêu trong các Báo cáo quý của dự án và Báo cáo phục vụ Đoàn đánh giá vẫn còn tồn tại. Các báo cáo này chủ yếu tập trung vào các hoạt động mà thiếu sự giải thích rõ ràng về việc các hoạt động này có đóng góp như thế nào đối với các mục tiêu sản phẩm và kết quả. Ngoài ra, sự không nhất quán về số liệu trong các báo cáo cũng phản ánh sự thiếu nhất quán trong việc ghi chép số liệu ở thời điểm chốt cho trước. Chuyên gia Giám sát và đánh giá (M&E) quốc tế thuộc nhóm LIC đã được huy động vào tháng 10/2016 và chuyên gia này đã dự thảo báo cáo để cải thiện hệ thống M&E cũng như biểu mẫu báo cáo. Tuy nhiên, biểu mẫu báo cáo này chưa được CPMU và ADB phê duyệt.

34. **Hành động cần thực hiện.** CPMU và LIC hoàn tất mẫu báo cáo để gửi ADB cho ý kiến nhận xét vào tháng 5/2017. Các mẫu báo cáo này sẽ được CPMU và các PPMU sử dụng để làm báo cáo quý và báo cáo phục vụ Đoàn đánh giá.

E. Chi phí và giải ngân dự án

35. **Ký hợp đồng và giải ngân.** Theo Dịch vụ thông tin tài chính khoản vay của ADB, tính đến 31/3/2017, giá trị trao thầu lũy kế là 12,449 triệu US\$ so với 66,498 triệu US\$ tổng giá trị khoản vay, tương đương với 18,72% so với khoảng thời gian đã trôi qua là 66%. Tính đến 31/3/2017, giá trị giải ngân lũy tiến là 15,272 triệu US\$ so với 66,498 triệu US\$ tổng giá trị khoản vay, tương đương với 22,97% so với khoảng thời gian đã trôi qua là 66%. Số tiền giải ngân bao gồm Khoản tạm ứng vào Tài khoản tạm ứng là 3,500 triệu US\$ cho CPMU và 3,400 triệu US\$ cho 2 định chế tài chính nhưng không bao gồm 1 đơn rút vốn có giá trị 1,490 triệu US\$. Tuy nhiên, theo số liệu của CPMU thì giá trị trao thầu đã ký là 14,325 triệu US\$ và số tiền giải ngân là 12,056 triệu \$ không bao gồm Khoản tạm ứng vào Tài khoản tạm ứng là 6,900 triệu US\$.

36. **Phân bổ vốn ODA 2017.** Việc MOF và UBND các tỉnh chậm phân bổ vốn ODA cho CPMU và các PPMU đã gây ra nhiều khó khăn cho quá trình thực hiện dự án, đặc biệt là công tác giải ngân. Không có hoạt động giải ngân nào được thực hiện trong Quý I năm 2017 do thiếu phân bổ vốn ODA. Tính đến 31/3/2017, tất cả các PPMU ngoại trừ Nam Định và Sóc Trăng đã nhận được quyết định phân bổ vốn từ UBND tỉnh. Mức trần giải ngân cũng là một vấn đề với CPMU khi nhu cầu vốn ODA vượt quá khoản được phân bổ.

Bảng 8: Thực trạng phân bổ vốn ODA (tính đến 31/3/2017)

Đơn vị: triệu VND

TT	Nội dung	Phân bổ ODA	Nhu cầu ODA	Thiếu hụt
1	CPMU	7.700	58.150	50.450
2	Son La	5.800	5.800	0
3	Lao Cai	14.200	14.200	0
4	Phu Tho	20.400	20.400	0
5	Bac Giang	12.800	12.800	0
6	Nam Dinh	10.300	10.300	0
7	Ha Tinh	14.400	14.400	0
8	Binh Dinh	14.600	14.600	0
9	Tien Giang	7.800	7.800	0
10	Ben Tre	8.300	8.300	0
11	Soc Trang	9.000	9.000	0
	Tổng	125.300	175.750	50.450

37. Các hợp đồng được ký và Dự báo giải ngân cho đến cuối dự án được lập dựa trên Kế hoạch triển khai dự án chi tiết của CPMU, 10 PPMU, và 3 Định chế tài chính được trình bày trong Phụ lục 4.

38. **Báo cáo tài chính được kiểm toán.** Báo cáo kiểm toán tiếp theo sẽ được lập vào ngày 30/6/2017. Đoàn giám sát đã nhắc nhở EA phải nộp Báo cáo tài chính được kiểm toán đúng thời hạn.

39. **Vốn đối ứng.** Dự án báo cáo là vốn đối ứng đã được cấp đầy đủ cho năm 2017. Vốn đối ứng lũy kế đã cung cấp tính đến cuối tháng 3/2017 là 31,225 tỷ VND (tương đương với 1,387 triệu US\$).

40. **Hành động cần thực hiện.**

- (i) CPMU cần gửi yêu cầu phát hành Bảng tổng hợp Hợp đồng dự án (PCSS) và Đơn rút vốn thường xuyên hơn để thu hẹp sự chênh lệch về số liệu giữa ADB và CPMU và tăng hệ số vòng quay.
- (ii) UBND tỉnh Nam Dinh và Soc Trang ra quyết định phân bổ vốn ODA cho 2 PPMU để các PPMU này có thể xử lý Đơn rút vốn.
- (iii) MOF bổ sung phân bổ vốn ODA cho CPMU khi nào có cập nhật về phân bổ vốn ODA.

F. Tuân thủ với các thỏa thuận vay vốn

41. Đoàn đánh giá thấy rằng các thỏa thuận vay vốn nhìn chung được tuân thủ. Kế hoạch cập nhật về các thỏa thuận này được trình bày trong **Phụ lục 5**.

G. Vấn đề môi trường

42. **Mục tiêu ban đầu.** Mục tiêu của dự án là làm giảm ô nhiễm từ chất thải nông nghiệp bằng cách sử dụng CSAWMP. Dự án có mục đích hỗ trợ xử lý chất thải nông nghiệp và hộ gia đình nông thôn thành năng lượng sạch và sản xuất phân bón hữu cơ từ phụ phẩm khí sinh học, và phổ biến, tăng cường và đa dạng hóa kiến thức để áp dụng CSAWMP. Dự án có mục tiêu giám sát môi trường của ít nhất 5% số hầm KSH quy mô nhỏ.

43. **Tiến độ.** Dự án nhìn chung có tác động tích cực đến môi trường, cải thiện vệ sinh môi trường ở cấp hộ gia đình và cộng đồng, hỗ trợ các xã đạt được các tiêu chí môi trường của chương trình “Nông thôn mới”, thông qua cải thiện công tác quản lý chất thải chăn nuôi, giảm ô nhiễm nước và không khí từ nông nghiệp cũng như giảm khí nhà kính từ quản lý chất thải. Dự án cũng góp phần tăng cường năng lực ở cấp tỉnh, huyện và xã trong việc quản lý chất thải nông nghiệp. Đoàn đánh giá thấy rằng dự án đã điều tra từ 8,2% (Lao Cai) lên 21% số hầm KSH quy mô nhỏ (ở Sơn La), vượt mục tiêu giám sát. Để tiếp tục thực hiện các vấn đề về môi trường đã nêu trong ĐGGK, cần phải thành lập một Đơn vị môi trường để tăng cường năng lực quản lý môi trường, theo dõi và báo cáo.

44. **Phát hiện.** Dự án đã góp phần cải thiện vệ sinh môi trường và tạo ra năng lượng sạch và giảm phát thải khí nhà kính ở 10 tỉnh thông qua việc xây dựng các công trình KSH quy mô nhỏ ở cấp hộ gia đình và cấp xã để đạt được tiêu chí môi trường Nông thôn mới.

45. Tuy nhiên, một số vấn đề đã được phát hiện đối với các hầm KSH quy mô nhỏ trong lần ĐGGK lần trước vẫn chưa được giải quyết, chẳng hạn như (i) xử lý nước thải sau hầm KSH chưa phù hợp trước khi xả vào nguồn nước mặt; (ii) quá tải chất thải rắn trong các hầm KSH quy mô nhỏ dẫn đến làm giảm hiệu quả hầm KSH và gia tăng ô nhiễm nước từ nước thải sau hầm khí sinh học. Vấn đề quá tải thường xuyên xuất hiện ở các tỉnh có các hộ gia đình sử dụng loại hầm composite có dung tích từ 7 đến 9 m³ như ở Sơn La và Sóc Trăng, trong đó vấn đề xử lý nước thải sau hầm KSH ở tỉnh Sóc Trăng nghiêm trọng hơn. Đoàn đánh giá chưa đến thăm bất kỳ hầm KSH quy mô vừa và lớn nào do dự án hỗ trợ ở Sóc Trăng và Sơn La vì chưa có hầm quy mô vừa và lớn nào được thi công và vận hành. Tuy nhiên, khi đến thăm các hầm quy mô lớn do chủ trang trại tự đầu tư ở hai tỉnh này, được đăng lý làm mô hình thí điểm CSAWMP, thì các vấn đề về thừa khí sinh học và/hoặc khí sinh học không được đốt hết là rất rõ ràng.

46. **Hành động cần thực hiện.** Những hành động sau đây được khuyến nghị cần thực hiện để đảm bảo tuân thủ an toàn môi trường và đạt được các mục tiêu của dự án về giảm ô nhiễm từ chất thải nông nghiệp bằng cách sử dụng CSAWMP.

- (i) CPMU và tư vấn an toàn môi trường và tư vấn kỹ thuật khí sinh học của LIC phải đưa ra hướng dẫn, cung cấp dịch vụ đào tạo và dịch vụ tư vấn cho các PPMU để giúp các hộ gia đình quản lý việc xử lý phụ phẩm khí sinh học trước khi xả ra môi trường hoặc sử dụng làm phân bón, cũng như khắc phục vấn đề quá tải hầm KSH quy mô nhỏ.
- (ii) Đối với hầm KSH quy mô vừa, ngoài việc Đánh giá nhanh môi trường (REA) và biểu phân loại môi trường, cần phải có một Kế hoạch Giám sát môi trường (EMP) với các biện pháp cụ thể về việc giảm xả khí sinh học vào không khí và/hoặc đốt khí sinh học thừa, cũng như sử dụng phụ phẩm KSH và chất thải chăn nuôi cho nông nghiệp.
- (iii) Một phương pháp tiếp cận toàn diện về chuỗi giá trị khí sinh học và áp dụng CSAWMP phải được xem như một giải pháp tổng thể cho dự án để đáp ứng

được các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và cải thiện chất lượng môi trường.

H. Các vấn đề chính sách an toàn xã hội

47. **Các mục tiêu ban đầu.** Mục tiêu xây dựng ít nhất 5% hầm KSH cỡ nhỏ cho người dân tộc thiểu số (DTTS) trong Khung giám sát và đánh giá (DMF) vẫn chưa đạt được tại 3 tỉnh được lựa chọn là Sơn La, Bắc Giang, và Sóc Trăng (Tổng công trình KSH cỡ nhỏ đã xây cho người DTTS tại 3 Tỉnh mục tiêu là 2.166 trên tổng số 45.869 công trình KSH cỡ nhỏ cho toàn Dự án, tương đương với 4,7%), tính đến 31 tháng 3 năm 2017. Tuy nhiên, tổng công trình KSH cỡ nhỏ xây cho người DTTS tại 5 tỉnh có người DTTS (thêm tỉnh Lào Cai và Phú Thọ) là 3.135, tương đương 6,8%.

48. **Tiến độ.** Đến ngày 31 tháng 3 năm 2017, những kết quả trong triển khai Dự án đối với người DTTS được tổng kết như sau. Chi tiết xem **Phụ lục 6**.

49. Tổng số có 3.135 công trình KSH cỡ nhỏ cho người DTTS, tương đương với 6,8% trên tổng số công trình KSH tại 5 tỉnh có người DTTS (bao gồm 3 tỉnh mục tiêu là Sơn La, Bắc Giang, và Sóc Trăng và 2 tỉnh khác có số người DTTS đáng kể là Lào Cai và Phú Thọ). Tiến độ xây dựng công trình KSH cỡ nhỏ cho hộ dân theo 3 tiêu chí đang trong giai đoạn lên danh sách những hộ gia đình đạt tiêu chí (nghèo/ cận nghèo, dân tộc thiểu số và/ hoặc hộ gia đình có phụ nữ là trụ cột gia đình) bởi các PPMU theo hướng dẫn của Ban QLDA Trung ương đã gửi cho các PPMU vào giữa tháng 4.

50. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền: Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2017, nhằm phục vụ cho mục đích thông tin tuyên truyền, các PPMU đã xây dựng và tổ chức:

- Hội nghị, hội thảo: 431
- Chương trình truyền hình: 101
- Chương trình truyền thanh (có tiếng Dân tộc): 4.436
- Bài báo: 123
- Tờ rơi: 130.000
- Bảng thông tin: 4.641
- Poster: 19.500;
- Video clip: 25;
- Banner: 200;
- Sổ tay: 100

51. Dự án đã tổ chức tập huấn đào tạo về vận hành công trình KSH và CSAWMP cho người tham gia để quản lý chăn nuôi và chất thải. Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2017, 1.220 người DTTS trên tổng số 8.570 hộ gia đình đã được đào tạo về CSAWMP tại 10 tỉnh (tương đương với 14,02% trên tổng số người được đào tạo về CSAWMP). 2.839 người DTTS được đào tạo về vận hành KSH, tương đương với 6,1% trên tổng số.

52. Dự án đã tổ chức đào tạo giảng viên (ToT) cho 1.776 cán bộ khuyến nông về CSAWMP. Trong số đó, 209 người là DTTS (tương đương với 35,9% trên tổng số học viên).

53. Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2017. 2 định chế tài chính đã cấp tín dụng cho 341 người tham gia ở Bắc Giang, Lào Cai, và Bình Định; trong đó có 92 người DTTS, tương đương với 27% trên tổng số người được tiếp cận nguồn vốn này.

54. **Các phát hiện.** Mọi hoạt động cho người DTTS được duyệt trong Kế hoạch phát triển người DTTS (IPDP) đã được đưa vào trong các hoạt động của Dự án và Dự án có tác động tích cực lên cá nhân và cộng đồng người DTTS. Người DTTS được tham gia vào mọi hoạt động của Dự án như người Kinh. Thông qua chuyến đi thực địa và phỏng vấn người DTTS thụ hưởng, chính quyền địa phương và các PPMU, Đoàn đánh giá phát hiện Tỉnh Sóc Trăng đã hỗ trợ người DTTS bằng cách cung cấp phiên dịch viên tiếng Dân tộc trong quá trình tập huấn, đào tạo; hỗ trợ người DTTS về quy trình cho vay tín dụng của Ngân hàng chính sách và xã hội thông qua chương trình khác với sự hỗ trợ của các hợp tác xã, xã huyện Dự án. Đoàn đánh giá không nhận thấy có hoạt động cụ thể nào dành cho người DTTS tại tỉnh Sơn La.

55. Rất nhiều hoạt động thông tin tuyên truyền đã được thực hiện tại 10 tỉnh, nhưng không có hoạt động truyền thông cụ thể nào dành cho người DTTS. Ngoài ra, công tác tham vấn người DTTS trước khi tập huấn chưa được triển khai và đánh giá sau tập huấn đối với người DTTS chưa được thực hiện.

56. Theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá giữa kỳ, Tư vấn về Giới và DTTS thuộc LIC đã được huy động và hỗ trợ cho CPMU và các PPMUPPMU trong báo cáo. Giám sát nội bộ đầu tiên về triển khai IPDP đã trình cho ADB vào tháng 1 năm 2017;

57. Thông qua phỏng vấn đại diện của chính quyền địa phương, các PPMU, Đoàn thấy rằng các chính quyền địa phương cũng như các PPMU chưa có hiểu biết đầy đủ về các yêu cầu trong IPDP;

58. Như thống nhất trong Đánh giá giữa kỳ, các tỉnh khác thuộc Dự án có số người DTTS đáng kể (Lào Cai, Bình Định, Phú Thọ và Hà Tĩnh) cũng cần ưu tiên hỗ trợ người DTTS trong phạm vi Dự án. Tuy nhiên, tỉnh Hà Tĩnh và Bình Định đã kiến nghị với Đoàn về việc không có hộ gia đình DTTS tại các khu vực của Dự án, bởi vậy 2 tỉnh không thực hiện các hoạt động trong IPDP dành cho người DTTS theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá giữa kỳ.

59. **Các hành động cần thiết.**

- (i) Đề nghị các PPMU (i) phổ biến IPDP cho xã huyện thuộc Dự án; (ii) chuẩn bị kế hoạch chi tiết triển khai các yêu cầu đề ra trong IPDP để khuyến khích người DTTS tham gia vào các hoạt động trong IPDP, đặc biệt là tăng số lượng công trình KSH cỡ nhỏ cho người DTTS, số người DTTS tham gia vào các lớp đào tạo tập huấn về vận hành KSH và CSAWMP, số người DTTS tham gia vào trình diễn CSAWMP, đào tạo nghề về sinh kế thay thế liên quan đến KSH và quản lý chuỗi giá trị KSH cho người DTTS; (iii) tăng cường các hoạt động truyền thông trực tiếp đến người DTTS, bao gồm phổ biến thông tin Dự án đến cấp làng, xã; (iv) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội để hỗ trợ các hộ DTTS tiếp cận được với tín dụng thuộc Dự án; (v) Hà Tĩnh và Bình Định được đề nghị rà soát lại và chuẩn bị báo cáo về DTTS tại các khu vực Dự án và trình cho LIC/CPMU để đánh giá, sau đó trình cho ADB giải thích lý do vì sao không có hoạt động DTTS được triển khai theo các yêu cầu trong IPDP như kiến nghị của Đoàn đánh giá giữa kỳ;
- (ii) Cán bộ xã hội của các PPMU dưới sự hỗ trợ của Tư vấn Giới và DTTS cùng cán bộ xã hội của CPMU tiến hành (i) giám sát triển khai các hoạt động trong IPDP dành cho người DTTS; (ii) cập nhật định kỳ theo hệ thống báo cáo hiện nay; (iii) phối hợp với các chính quyền địa phương tổ chức họp tham vấn người DTTS trước khi đào tạo tập huấn để đảm bảo cung cấp thông tin và giáo trình tập huấn theo ngôn ngữ dễ hiểu và phù hợp đối với trình độ đọc viết của người DTTS. Số lượng tập huấn cho người DTTS có thể tăng sau khi tham vấn người DTTS.
- (iii) Đề nghị CPMU (i) hỗ trợ kịp thời các PPMU trong mọi hoạt động thuộc IPDP như đào tạo, thông tin tuyên truyền, và các hoạt động khác; (ii) giám sát triển khai IPDP theo như kế hoạch; (iii) trình ADB giám sát nội bộ IPDP thứ 2 vào tháng 7

năm 2017, trong đó cập nhật bảng giám sát của IPDP, chi tiết tiến độ triển khai các hoạt động vẫn chưa được thực hiện tính đến tháng 4 năm 2017, báo cáo tách biệt số lượng hộ gia đình theo 3 tiêu chí đã xây hầm KSH cỡ nhỏ.

I. Các vấn đề về Giới

60. **Các mục tiêu điều chỉnh theo Đánh giá giữa kỳ:** Các mục tiêu chính trong kế hoạch hành động về Giới (theo thoả thuận) bao gồm (i) ít nhất 20% những người được đào tạo về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ; (ii) ít nhất 7% những người được đào tạo và cấp chứng nhận thợ xây cho công trình KSH cỡ nhỏ là phụ nữ (iii) ít nhất 50% những người được đào tạo về sử dụng công nghệ KSH và vận hành & bảo dưỡng là phụ nữ; (iv) ít nhất 50% người được đào tạo về quản lý trang trại và quản lý chất thải trong các trang trại là phụ nữ; (v) ít nhất 15% người được đào tạo về công trình KSH cỡ vừa và lớn là phụ nữ; (vi) ít nhất 50% những người nhận tín dụng từ các Định chế tài chính đăng ký tên chung vợ và chồng hoặc phụ nữ đứng ra đại diện; (vii) ít nhất 50% đơn đăng ký chính thức xây hầm khí sinh học dưới tên chung vợ và chồng hoặc phụ nữ đứng ra đại diện; (viii) 30% các đề tài nghiên cứu liên quan đến các vấn đề về Giới kết nối với công trình KSH; (ix) ít nhất 30% những người được chọn cho nghiên cứu và trình diễn công nghệ CSAWMP là phụ nữ; (x) giáo trình tập huấn về công nghệ CSAWMP và phương pháp phổ biến phải thân thiện với phụ nữ và ít nhất 30% các hoạt động phổ biến và tham vấn có sự tham gia của các nhóm chỉ có phụ nữ; (xi) cơ sở dữ liệu phân tách theo giới và dân tộc thiếu số được thiết lập như một phần của hệ thống giám sát thực hiện dự án PPMS do CPMU xây dựng; (xii) 30% cán bộ của CPMU và PPMU là phụ nữ và mỗi PPMU có 1 đầu mối về Giới; và (xiii) các chỉ số về giới được đưa vào trong khung giám sát đánh giá chung của toàn Dự án.

61. **Tiến độ.** Theo bảng giám sát GAP cập nhật, hoạt động triển khai GAP của Dự án đang theo đúng kế hoạch, với:

- 40% các hoạt động (2 trên 5) đã thực hiện, 60% các hoạt động (3 trên 5) đang triển khai; và 1 hoạt động chưa thực hiện. Tổng số hoạt động: 6
- 10% các mục tiêu (1 trên 10) đã thực hiện; 60% các mục tiêu (6 trên 10) có khả năng hoàn thành cao; 30% các mục tiêu (3 trên 10) khó có khả năng hoàn thành và 2 mục tiêu chưa triển khai. Tổng mục tiêu: 12.

62. **Các kết quả chính bao gồm:** i) 24 lớp tập huấn về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật cho kỹ thuật viên tại 10 tỉnh với 277 nữ/1.180 người tham gia (23,5%, cao hơn mục tiêu 20%); (ii) 14 lớp tập huấn về xây dựng công trình KSH nhỏ với 19/375 nữ tham gia (5,0% , thấp hơn mục tiêu 7%); (iii) 1.682 lớp tập huấn về sử dụng công nghệ KSH và vận hành bảo dưỡng với 46.716 người tham gia và 36.161 người được hướng dẫn tại nhà. Tổng số là 82.877 trong đó 40.607 nữ (49%, thấp hơn mục tiêu 50%); (iv) 3.564/7.030 nữ tham gia khoá tập huấn về quản lý trang trại và chất thải trong các trang trại cho nông dân (50,7%, đã đạt mục tiêu 50%); (v) 2 lớp đào tạo về công trình cỡ vừa và lớn cho kỹ sư và đại diện của 10 nhà thầu với 4/38 nữ tham gia (10,2%, thấp hơn mục tiêu 15%); (vi) và (vii) 341 người nhận tín dụng, trong đó 90 đăng ký dưới tài khoản chung vợ-chồng hoặc do phụ nữ đại diện (26%, thấp hơn mục tiêu 50%); (ix) 612/1.776 nữ cán bộ khuyến nông tham gia vào các lớp tập huấn về CSAWMP (34,5%, cao hơn mục tiêu 30%) ; (x) tài liệu tập huấn về công nghệ CSAWMP và phương pháp phổ biến có thân thiện với phụ nữ. (xi) 431 hội nghị, hội thảo được tổ chức, trong đó có 4 chương trình phổ biến và tham vấn có sự tham gia của riêng phụ nữ (1%, thấp hơn mục tiêu 30%); (xii) cơ sở dữ liệu phân tách theo giới và DTTS đã được xây dựng như một phần của hệ thống giám sát thực hiện Dự án bởi CPMU; (xiii) 124 cán bộ CPMU và PPMU trong đó 55 nữ cán bộ (44.4%, cao hơn mục tiêu 30%) và CPMU và mỗi PPMU đều đã có 1 đầu mối về Giới; và (xiv) 3 hội thảo nhạy cảm về Giới đã được thực hiện cho các đầu mối Giới của các PPMU với 142 người tham gia, trong đó 97 nữ (68%).

63. **Các phát hiện:** Các vấn đề sau đây được phát hiện trong quá trình đánh giá:

- (i) Tỷ lệ nữ tham gia vào các lớp tập huấn vẫn còn thấp so với mục tiêu dự án (xây dựng công trình KSH cỡ nhỏ: 5,0%, thấp hơn mục tiêu 7%; cỡ vừa (MBP) và lớn (LBP): 8,7%, thấp hơn mục tiêu 15%).
- (ii) Chỉ 1% các sự kiện thông tin tuyên truyền và tham vấn có sự tham gia của các nhóm chỉ có phụ nữ (thấp hơn mục tiêu 30%).
- (iii) Trong quá trình đi thực địa tại tỉnh Sóc Trăng, Đoàn đã ghi nhận:
 - a. PPMU Sóc Trăng đã tổ chức các hội nghị hội thảo giới thiệu Dự án và hướng dẫn những hộ tiềm năng tham gia vào Dự án về quy trình cho vay của Ngân hàng Chính sách và Xã hội và kết nối họ với Ngân hàng, các Ủy ban nhân dân xã (CPCs) và các hộ tiềm năng vay vốn. Bởi vậy, các quy trình hỗ trợ tài chính cho các hộ gia đình muốn vay vốn được diễn ra nhanh và đơn giản hơn.
 - b. Việc xây dựng các công trình KSH đã thay đổi nhận thức của người chăn nuôi về thói quen kiểm soát chất thải, theo đó chất thải cần được xử lý trước khi thải ra môi trường và sử dụng KSH như nguồn năng lượng thay thế cho nấu nướng. Điều này đã góp phần vào cải thiện tình trạng môi trường, sức khỏe con người, và đặc biệt là người phụ nữ.
 - c. Tỷ lệ nữ tham gia vào các lớp đào tạo thấp hơn mục tiêu Dự án (đào tạo về công nghệ KSH và vận hành-bảo dưỡng với 782/3.103 nữ tham gia (25,2%), xây dựng công trình KSH cỡ nhỏ: 1/57 nữ tham gia (2,7%); các vấn đề kỹ thuật và quản lý KSH: 3/73 nữ tham gia (3%).

64. Các hành động cần thực hiện.

- (i) CPMU và các PPMU giám sát và khuyến khích sự tham gia của phụ nữ vào các lớp tập huấn để hoàn thành các mục tiêu GAP.
- (ii) Các PPMU cần tổ chức các sự kiện phổ biến, tham vấn để thông tin về Dự án cũng như công nghệ CSAWMP và để đảm bảo 30% các hoạt động phổ biến, tham vấn có sự tham gia của riêng phụ nữ và tổ chức thông qua các cuộc họp của Hội phụ nữ xã theo đó các nhóm chỉ có phụ nữ được tổ chức.
- (iii) Các PPMU cần hướng dẫn người nhận tín dụng rằng tên tài khoản của người nhận tín dụng cần được đăng ký dưới tên chung của vợ- chồng hoặc chỉ của phụ nữ để đảm bảo mục tiêu 50% trong GAP.
- (iv) Đối với các đề tài nghiên cứu, tư vấn về Giới cần phối hợp với CPMU và các nhà thầu trong việc triển khai các hoạt động nghiên cứu này để đảm bảo 30% các đề tài nghiên cứu của Dự án có liên quan đến vấn đề phụ nữ.
- (v) CPMU và các PPMU tổ chức tập huấn nhận thức giới và tóm tắt GAP cho các cán bộ Dự án chủ chốt (ít nhất điều phối viên, đầu mối giới, cán bộ triển khai và kỹ thuật viên là một phần trong các lớp tập huấn mới).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾP THEO

65. Đoàn đánh giá nhắc lại sự lo ngại về tiến độ thực hiện dự án. Bảng sau đây trình bày các hoạt động được thống nhất thực hiện trước khi các Đoàn đánh giá tiếp theo

Bảng 9: Các hoạt động tiếp theo đã thống nhất

ST T	Nội dung	Các hoạt động thống nhất	Khung thời gian	Đơn vị thực hiện
1	Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi	(i) Hỗ trợ những nỗ lực của Chương trình KSH quốc gia (NBP) trong việc bán tín chỉ CER từ các công trình KSH được hỗ trợ bởi Dự án	Tiếp tục triển khai cho đến khi kết thúc Dự án	BAN QLDA TW
		(ii) Các quy trình và biểu mẫu kiểm tra ngẫu nhiên các công trình KSH được điều chỉnh để bao gồm các chỉ	Tháng 5 năm 2017	BAN QLDA TW

ST T	Nội dung	Các hoạt động tổng nhất	Khung thời gian	Đơn vị thực hiện
		số và báo cáo giám sát môi trường.		
		(iii) Việc đăng ký các công trình KSH theo khoản trợ cấp 3 triệu VND và 5 triệu VND cần được xem xét lại xem có thể đạt được mục tiêu 51.000 và 14.000 công trình KSH cỡ nhỏ không. Cung cấp hướng dẫn kỹ thuật về công trình KSH cỡ vừa cho người vận hành để đáp ứng được các yêu cầu.	Tháng 6 năm 2017	BAN QLDA TW, Các Ban QLDA Tỉnh
		(iv) Liên hệ với bên cung cấp phần mềm cơ sở dữ liệu để sửa lỗi sớm nhất có thể	Tháng 6 năm 2017	BAN QLDA TW, Các Ban QLDA Tỉnh
		(v) Phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 14	Tháng 5 năm 2017	BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP
		(vi) Trao thầu gói 14	Tháng 7 năm 2017	BAN QLDA TW
2	Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác	(i) Hoàn thiện Hiệp định Dự án để ký kết	Tháng 5 năm 2017	ADB
		(ii) Tiếp tục cùng Bộ tài chính theo dõi việc đánh giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với Ngân hàng Chính sách và Xã hội	Tháng 5 năm 2017	BAN QLDA TW
		(iii) Ký hiệp định Dự án	Tháng 5 năm 2017	ADB, NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH VÀ XÃ HỘI
		(iv) Ký Hiệp định cho vay lại	Tháng 6 năm 2017	NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH VÀ XÃ HỘI, BỘ TÀI CHÍNH
		(v) Chuẩn bị chương trình thực hiện vốn vay phụ thực tiến cho các quý III và IV năm 2017	Tháng 6 năm 2017	NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH VÀ XÃ HỘI
3	Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp	(i) Trao thầu cho các gói 25-29	Q III 2017	BAN QLDA TW
		(ii) Trao thầu cho gói 32 mô hình trình diễn tiên kiểm	Tháng 5 năm 2017	BAN QLDA TW
		(iii) Trao thầu các gói mô hình trình diễn hậu kiểm, các gói 33-38	Tháng 7 năm 2017	BAN QLDA TW
4	Hợp phần 4: Quản lý Dự án	(i) Hoàn thiện mẫu báo cáo	Tháng 5 năm 2017	BAN QLDA TW, LIC
		(ii) Ban hành quyết định phân bổ vốn ODA cho các PPMU Sóc Trăng và Nam Định	Tháng 5 năm 2017	UBND Tỉnh Sóc Trăng và Nam Định
		(iii) Bổ sung phân bổ vốn ODA cho CPMU	Q III 2017	BỘ TÀI CHÍNH
5	Các kiến nghị về an toàn môi trường	(i) Tổ chức lớp tập huấn cho các PPMU về an toàn môi trường	Tháng 5 năm 2017	BAN QLDA TW/LIC
		(ii) Đấu thầu trang thiết bị quan trắc	Tháng 7 năm	BAN QLDA

ST T	Nội dung	Các hoạt động tổng nhất	Khung thời gian	Đơn vị thực hiện
		môi trường và bắt đầu giám sát tác động môi trường	2017	TW/PPMU
		(iii) Huy động các tư vấn kỹ thuật KSH và an toàn môi trường thuộc LIC hỗ trợ các PPMU trong quản lý xử lý phụ phẩm KSH trước khi thải ra môi trường hoặc sử dụng làm phân bón	Tháng 5- tháng 6 năm 2017	BAN QLDA TW/LIC/Các Ban QLDA Tỉnh
		(iv) Huy động các tư vấn kỹ thuật KSH và an toàn môi trường thuộc LIC hỗ trợ các PPMU trong việc giải quyết vấn đề quá tải của công trình KSH cỡ nhỏ.	Tháng 5- tháng 6 năm 2017	BAN QLDA TW/LIC/Các Ban QLDA Tỉnh
		(v) Huy động các tư vấn kỹ thuật KSH và an toàn môi trường thuộc LIC giúp các PPMU chuẩn bị Kế hoạch giám sát môi trường EMP với các giải pháp giảm thiểu cụ thể, tránh thải khí gas ra khí quyển hoặc/và đốt khí gas thừa, cũng như sử dụng phụ phẩm KSH và chất thải chăn nuôi cho nông nghiệp.	May-June 2017	BAN QLDA TW/LIC/Các Ban QLDA Tỉnh
6	Các kiến nghị về DTTS	i) Phổ biến IPDP đến xã, huyện thuộc Dự án;	Tháng 5 năm 2017	
		(ii) Chuẩn bị kế hoạch chi tiết triển khai các yêu cầu đưa ra trong IPDP	Tháng 5 năm 2017	BAN QLDA TW/LIC/PPMU
		(iii) Tăng cường các hoạt động truyền thông trực tiếp đến người DTTS, bao gồm thông tin tuyên truyền về Dự án ở cấp làng, xã;	Tiếp tục triển khai đến khi kết thúc Dự án	BAN QLDA TW/LIC/PPMU
		(iv) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách và Xã hội trong việc hỗ trợ các hộ DTTS tiếp cận tín dụng của Dự án;	Tiếp tục triển khai đến khi kết thúc Dự án	PPMU
		(v) Đề nghị Hà Tĩnh và Bình Định kiểm tra lại và chuẩn bị báo cáo về DTTS ở các vùng Dự án và trình cho LIC/CPMU để xem xét trước khi trình cho ADB	Tháng 5 năm 2017	BAN QLDA TW/LIC/Ban QLDA tỉnh Hà Tĩnh, Ban QLDA tỉnh Bình Định
		(vi) Tổ chức họp tham vấn với người DTTS trước khi tập huấn để đảm bảo cung cấp thông tin và giáo trình đào tạo có ngôn ngữ phù hợp	Trước khi tập huấn	Các Ban QLDA Tỉnh/ chính quyền địa phương
		(vii) Giám sát triển khai IPDP như kế hoạch và trình cho ADB giám sát IPDP nội bộ lần 2 vào tháng 7 năm 2017	Tiếp tục triển khai và trình tháng 7 năm 2017	BAN QLDA TW/ Các Ban QLDA Tỉnh
7	Các kiến nghị về Kế hoạch hành động về Giới (GAP)	(i) CPMU và các PPMU giám sát và khuyến khích nữ giới tham gia các lớp tập huấn để đạt được các mục tiêu của GAP	Tiếp tục triển khai đến khi kết thúc Dự án	

ST T	Nội dung	Các hoạt động tổng nhất	Khung thời gian	Đơn vị thực hiện
		(ii) Các PPMU cần tổ chức các sự kiện thông tin, tham vấn để thông tin về Dự án và công nghệ CSAWMP và đảm bảo 30% các sự kiện phổ biến, tham vấn có sự tham gia của các nhóm chỉ có phụ nữ	Tiếp tục triển khai đến khi kết thúc Dự án	Các Ban QLDA tỉnh
		(iii) Các PPMU cần hướng dẫn những người nhận tín dụng rằng tên tài khoản của người nhận tín dụng cần được đăng ký chung cả vợ và chồng hoặc chỉ riêng mình người phụ nữ để đảm bảo mục tiêu của Dự án là 50%.	Tiếp tục triển khai đến khi kết thúc Dự án	Các Ban QLDA tỉnh
		(iv) Đối với các đề tài nghiên cứu, tư vấn Giới cần phối hợp với CPMU và các nhà thầu trong việc triển khai các nghiên cứu này để đảm bảo 30% đề tài nghiên cứu có liên quan đến vấn đề về Giới.	Tháng 12 2017	BAN QLDA TW, Tư vấn về Giới và các Nhà thầu
		(v) CPMU và các PPMU tổ chức tập huấn nhận thức giới và tóm tắt GAP cho cán bộ dự án chủ chốt (ít nhất là cho điều phối viên, cán bộ đầu mối Giới, cán bộ triển khai và kỹ thuật viên là một phần của lớp tập huấn mới)	Tháng 12 năm 2017	BAN QLDA TW, Các Ban QLDA Tỉnh và Tư vấn về Giới
8	Đoàn đánh giá	Đoàn đánh giá tiếp theo	Quý IV năm 2017	ADB

IV. LỜI CẢM ƠN

66. Đoàn đánh giá xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ NN&PTNT, BQL các Dự án Nông nghiệp và 10 đơn vị thực hiện vì đã hợp tác và giúp đỡ trong quá trình đánh giá. Đặc biệt, Đoàn đánh giá xin ghi nhận sự quan tâm của Thứ trưởng Lê Quốc Doanh ưu tiên giám sát chặt chẽ Dự án này.

Ký tại Hà Nội, ngày tháng 05 năm 2017, bởi:

Ông. Sanath D.B. Ranawanna

Chuyên gia Kinh tế Tài nguyên Thiên nhiên

Phòng Nông nghiệp, Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường

Ngân hàng Phát triển Châu Á

Ông. Chu Văn Chương

Vụ phó

Vụ Hợp tác quốc tế

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Danh sách Phụ lục

STT	Tên phụ lục
1	Danh sách người tham gia
2	Tiến độ tổng thể dự án
3	Kế hoạch đấu thầu cập nhật
4	Kế hoạch Trao thầu và Giải ngân
5	Tuân thủ Hiệp định vốn vay
6	Kế hoạch phát triển DTTS cập nhật
7	Bảng giám sát Kế hoạch hành động về Giới cập nhật

Danh sách người tham gia họp

Họ và tên	Chức vụ	Email	Điện thoại
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
Chu Văn Chuông	Vụ phó Vụ Hợp tác quốc tế		
Lê Minh Tuấn	Cán bộ Vụ Hợp tác quốc tế		
Tạ Hữu Nghĩa	Cục trưởng Cục Kinh tế Hợp tác		
Nguyễn Văn Hùng	Chuyên viên, Vụ Tài chính		
Tổng Xuân Chinh	Cục phó Cục Chăn nuôi		
Nguyễn Xuân Khôi	Chuyên viên, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường		
Ngô Thị Kim Cúc	Viện phó Viện Chăn nuôi quốc gia Vice Head of NIAH		
Nguyễn Hoàng Long	Viện phó Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam		
Các bộ ngành khác			
Nguyễn Thế Hiển	Cán bộ Bộ Tài chính		
Nguyễn Quỳnh Phương	Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
Ban quản lý các Dự án nông nghiệp			
Nguyễn Thế Hình	Phó ban		
Phạm Việt Anh	Cán bộ Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật		
Vũ Ngọc Hà	Phó trưởng phòng		
Đặng Hữu Kiên	Phó trưởng Phòng Quản lý tư vấn		
Ban quản lý dự án TW			
Nguyễn Thế Hình	Giám đốc Dự án	nguyenthe.hinh@gmail.com	0913247782
Vũ Tiến Dũng	Phó giám đốc Dự án		0913543045
Hoàng Thái Ninh	Phó giám đốc Dự án	hoangthaininh@gmail.com	
Nguyễn Văn Chung	Cán bộ	chungnguyenvanhd@yahoo.com	01682578578

Nguyễn Thái Sơn	Cán bộ môi trường		0902468122
Nguyễn Đình Diệu	Kế toán		0903403695
Phạm Thùy Linh	Cán bộ (Giới và Dân tộc thiểu số)	linh.phan.mp@gmail.com	0904266568
Bùi Thuỳ Linh	Cán bộ		
Dương Thị Diễm Hằng	Cán bộ		
Nguyễn Thị Thanh Nga	Cán bộ		
Phạm Thị Hương	Cán bộ		
Trịnh Thị Thuý Hối	Cán bộ		
Phan Thùy Linh	Cán bộ		
Hoàng Thị Thu Hằng	Cán bộ		
Nguyễn Thị Ngọc Lan	Cán bộ		
Nguyễn Thị Minh Hường	Cán bộ		
Trần Diễm My	Cán bộ		
Trần Phương Thảo	Cán bộ		
Đỗ Ngọc Anh	Cán bộ		
Nguyễn Thị Thành	Cán bộ		
Đỗ Thanh Hương	Cán bộ		
Vũ Hồng Hải	Cán bộ		
Tư vấn LIC			
Manohar Sreshtha	Trưởng nhóm	manoharshrestha28@gmail.com	
Hồ Thị Lan Hương	Tư vấn		
Phạm Thị Vượng	Tư vấn		
Nguyễn Thị Bích Hạnh	Tư vấn		
Bùi Văn Chính	Tư vấn		
Các định chế tài chính			
Ngô Diệu An	Phó giám đốc, Agribank		

Hồ Thị Kim Thanh	Cán bộ, Agribank	thanhhothikim@agribank.com.vn	0913207917
Lê Thu Hà	Phó phòng, Coopbank		
Tăng Hòa	Cán bộ, Phòng Hợp tác quốc tế, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam		0936935789
Đỗ Nguyễn Thanh Nhung	Cán bộ Coopbank		
ADB			
Sanath Ranawana	Chuyên gia Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên		
Trương Minh Huệ	Trợ lý Chuyên viên phân tích dự án		
Phạm Ánh Tuyết	Tư vấn		
Trần Thúy Hải	Tư vấn		
Tỉnh Tiền Giang			
Huynh Thanh Nong	Phó GĐ Ban QLDA tỉnh		0983801049
Nguyen Thi Hoang Ngan	Kế toán trưởng Ban QLDA tỉnh		0983238890
Nguyen Thanh Hoa	Kế toán Ban QLDA tỉnh		
Nguyen Thi Huynh	Cán bộ (Giới và DTTS)	gseaptiangiang@gmail.com	0975171825
Tỉnh Bến Tre			
Nguyen The Nghia	Điều phối viên Ban QLDA tỉnh		01699073793
Nguyen Khanh Binh	Cán bộ kỹ thuật Ban QLDA tỉnh	Ncbinh.knkn@yahoo.com.vn	0919240240
Luu Quang Vinh	Cán bộ (Giới và DTTS)	vinhlequang11@gmail.com	0906027909
Tỉnh Sóc Trăng			
Quach Van Tay	Giám đốc, BAN QLDA TỈNH	taycctyst@gmail.com	0913708736
Tran Van Chien	Phó giám đốc, BAN QLDA TỈNH		
Le Van Quang	Điều phối viên kiêm Cán bộ kỹ thuật, BAN QLDA TỈNH	Levanquang68@gmail.com	0918573883
Huynh Duc Thang	BAN QLDA TỈNH		
Võ Phú Lâm	BAN QLDA TỈNH		
Cao Tấn Đạt	BAN QLDA TỈNH		

Nguyễn Ngọc Lâm Tuyền	Cán bộ (Giới và DTTS)	lamtuyen8989@gmail.com	0919162522
Tran Huong Thao	BAN QLDA TỈNH		
Dao Van Thong	Tư vấn Tỉnh		
Pham Minh Tu	Phó Trung tâm thú y, huyện Phu My		0919316771
Van Vu Phat	Cán bộ, Trung tâm thú y huyện My Tu		0918021922
Nguyen Phu Nhuan	Cán bộ, Trung tâm thú y huyện My Tu		
Hàng Huỳnh The	Nông dân, xã Thuan Huong, huyện My Tu		
Lâm Sol	Nông dân, xã Thuan Huong, huyện My Tu		
Yên Những	Nông dân, xã Thuan Huong, huyện My Tu		
Kham Many	Nông dân, xã Thuan Huong, huyện My Tu		
Yên Lụy (vợ của Kham Many)	Nông dân, xã Thuan Huong, huyện My Tu		
Lý Thị Lượng	Nông dân, xã Thuan Huong, huyện My Tu		
Yên Thị Sương	Nông dân, xã Thuan Huong, huyện My Tu		
Trịnh Thị Thu Vân	Nông dân, xã Thuan Huong, huyện My Tu		
Dương Sơn	Nông dân, xã Thuan Huong, huyện My Tu		
Nguyễn Thị Thu Hà			
Phạm Trần Công			
Trần Ngọc Hải	Nông dân, xã Lịch Hoi Thuong, huyện Tran De		
Tỉnh Bình Định (Địa chỉ BAN QLDA TỈNH: 110 Tran Hung Dao, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định)			
Dao Van Hung	Giám đốc, BAN QLDA TỈNH	lcaspbinhdin@gmail.com	056. 3946771
Huynh Ngoc Diep	Phó giám đốc, BAN QLDA TỈNH		
Le Ngoc Hung	BAN QLDA TỈNH		
Ho Thi Giac Ngan	Cán bộ (Giới và DTTS)	Lcaspbinhdin@gmail.com	0935970309
Tỉnh Nam Định			
Hoang Thi To Nga	Giám đốc, BAN QLDA TỈNH	Ngasam67@gmail.com	0918951967
Vu Duc Luu	Kế toán trưởng, BAN QLDA TỈNH	vuduclusnnd@gmail.com	0903212730

Nguyen Trong Tan	Điều phối viên, BAN QLDA TỈNH	Trongtan78@gmail.com	0913472700
Nguyen T. Minh Giang	Cán bộ kỹ thuật, BAN QLDA TỈNH (Gender)	Minhgiang170@gmail.com	0988910407
Tỉnh Lào Cai			
Nguyen Thi Khanh Hoa	Cán bộ, BAN QLDA TỈNH		0974581286
Nguyen Dinh Tam	Cán bộ, BAN QLDA TỈNH		01655551999
Hoang Manh Thang	Cán bộ (Giới và DTTS)	mthangbio@gmail.com	0969134154
Tỉnh Sơn La			
Le Van Thanh	Giám đốc, BAN QLDA TỈNH	Lcaspsonla@gmail.com	0904109456
Lo Thanh Bang	Điều phối viên, BAN QLDA TỈNH	Banglothan75@gmail.com	0988432886
Tran Thi Hai Yen	Kế toán, BAN QLDA TỈNH		0967788936
Nguyen Huu Thuong	Cán bộ, BAN QLDA TỈNH	timbanthatkho@gmail.com	0975113688
Cam Ngoc Vinh	Cán bộ, BAN QLDA TỈNH		0972653288
Nguyen Quoc Hoan	Cán bộ, BAN QLDA TỈNH		0988652991
Ngo Thi Loan	Cán bộ (Giới và DTTS)	loanttnsl@gmail.com	0904272638
Bàn Văn Lợi	Chủ tịch UBND Phường Phieng Luong, huyện Moc Chau		
Lương Trọng Hải	Cán bộ khuyến nông, xã Phieng Luong, huyện Moc Chau		
Nguyễn Ngọc Dũng	Cán bộ khuyến nông, huyện Moc Chau		
Bàn Thị Dung	Nông dân, xã Phieng Luong, huyện Moc Chau		
Đặng Thị Vân	Trưởng hội, Hội Phụ nữ xã Phieng Luong		
Bàn Văn Tâm	Nông dân, xã Phieng Luong, huyện Moc Chau		
Lý Thị Sáng	Nông dân, xã Phieng Luong, huyện Moc Chau		
Nguyễn Thạch Lỗi	Nông dân, thị trấn Moc Chau		
Hoàng Thị Phiếu	Nông dân, xã Chieng Dong, huyện Yen Chau		
Đào Văn Trang	Nông dân, xã Chieng Dong, huyện Yen Chau		
Tỉnh Phú Thọ			

Tu Anh Son	Phó GD Sở NN&PTNT - Giám đốc, BAN QLDA TỈNH	tusonpt@gmail.com	0989149457
Nguyen Thi Kim Thoa	Kế toán, BAN QLDA TỈNH	nguyenthikimthoa243@gmail.com	01675700098
Tu Trung Hieu	Cán bộ kỹ thuật, BAN QLDA TỈNH		0982407333
Hoang Manh Thong	Cán bộ, BAN QLDA TỈNH (Giới và DTTS)	Hoangmanhthong1984@gmail.com	01685627899
Tỉnh Hà Tĩnh			
Nguyen Huu Men	Cán bộ kỹ thuật, BAN QLDA TỈNH (Giới và DTTS)	huumenhatinh@gmail.com	0932340005
Nguyen Xuan Liem	Trưởng bộ phận tài chính		
Dinh Ngoc Duc	Cán bộ kỹ thuật, BAN QLDA TỈNH		
Bac Giang province			
Dao Xuan Vinh	Điều phối viên, BAN QLDA TỈNH	daoxuanvinhbg@gmail.com	0983015971
Duong The Khoa	Cán bộ kỹ thuật, BAN QLDA TỈNH		0985588750
Luu Thi Phuong Dung	Cán bộ Giới	luudung85bg@gmail.com	0976908797

TIẾN ĐỘ HOẠT ĐỘNG TỔNG THỂ DỰ ÁN

STT	Hợp phần/ Hoạt động	Chi phí	Trọng số	Số giải ngân	Tỷ lệ theo tiến độ (0 - 100)	Tiến độ theo trọng số
	Hợp phần 1: Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi					
	Tiêu chuẩn hóa và phổ biến gói thiết kế cho chuỗi khí sinh học	2,500,000	3.68%	1,164,536	47	1.71%
	Tăng cường năng lực cho các cơ quan có liên quan nhằm chuyển giao và giám sát các công trình khí sinh học đã xây	2,459,300	3.62%	633,293	26	0.93%
	Giám sát giải ngân các khoản trợ cấp cho người thụ hưởng như là một khuyến khích tài chính để triển khai các tiểu dự án	10,485,455	15.44%	5,631,319	54	8.29%
	Nâng cao năng lực về thiết kế, xây dựng, và giám sát các công trình KSH	1,209,726	1.78%	483,647	40	0.71%
	Tăng cường năng lực và cung cấp trang thiết bị cho các đơn vị liên quan để quản lý cơ sở dữ liệu KSH quốc gia	343,682	0.51%	82,089	24	0.12%
	Hợp phần 2: Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác					
	Các Định chế tài chính cấp tín dụng cho người thụ hưởng hợp lệ để đầu tư cho Chuỗi giá trị KSH và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác phù hợp với Tiêu chí lựa chọn tiểu dự án	29,817,452	43.90%	1,333,333	4	1.96%
	Hợp phần 3: Tăng cường chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp					
	Sử dụng các nghiên cứu dựa vào nông dân bao gồm than sinh học và các chất thải nông nghiệp các như phân bón hữu cơ; áp dụng các ứng dụng nông nghiệp phát thải KNK thấp tạo ra năng lượng sinh học, quản lý xử lý chất thải thủy sản và các ứng dụng quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác (CSAWMP)	5,637,583	8.30%	21,442	0	0.03%
	Xây dựng các mô hình quản lý chất chăn nuôi để sản xuất nông nghiệp và giảm phát thải KNK	4,306,732	6.34%	43,646	1	0.06%
	Tăng cường năng lực các cán bộ nghiên cứu, cán bộ khuyến nông và nông dân, bao gồm chương trình đào tạo dạy nghề, các gói đào tạo tập huấn, và thăm quan học tập về CSAWMP	1,206,182	1.78%	361,953	30	0.53%
	Thiết lập một hệ thống thông tin (thư viện điện tử, bộ bản đồ các vùng sinh thái nông nghiệp và hệ thống học tập từ xa) để phổ biến kiến thức và nhận thức về CSAWMP	790,000	1.16%	117,077	15	0.17%
	Hợp phần 4: Quản lý dự án hiệu quả					
	Thành lập Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh để hoạt động; Tổ chức hội thảo nâng cao nhận thức về Giới cho các Ban QLDA	6,177,009	9.09%	1,542,843	25	2.27%
	Tuyển tư vấn khởi động, kiểm toán, xây dựng PPMU với dữ liệu phân tách theo giới và DTTS và bao gồm cả giám sát kế hoạch hành động về Giới; tiến hành điều tra cơ bản trên các tỉnh dự án trong đó thu thập và phân tích dữ liệu theo Giới và DTTS; Chuẩn bị báo cáo tiến độ và trình lên ADB định kỳ	2,986,820	4.40%	1,035,078	35	1.52%
	Tổng	67,919,941	100%	12,450,256	300	18.33%

Khoản vay 2968-VIE: Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp
Overall Disbursement Ratios (As of 31 March 2017)

No.	CPMU/ Province	Project Funds Estimated (VND mil.)			Actual Disbursements (VND mil.)			
		ADB Loan	Counterpart funds	Total	ADB Loan	Counterpart funds	Total	%
*	CPMU	336,054	177,441	513,495	59,784	16,306	76,090	15%
1	Binh Dinh	67,585	4,595	72,180	30,186	1,812	31,998	44%
2	Bac Giang	56,877	3,577	60,454	26,332	1,160	27,492	45%
3	Ben Tre	37,125	2,534	39,659	17,154	714	17,868	45%
4	Ha Tinh	41,502	5,624	47,126	20,558	2,549	23,107	49%
5	Lao Cai	35,286	3,218	38,504	13,084	1,736	14,820	38%
6	Nam Dinh	54,222	3,670	57,892	19,680	1,629	21,309	37%
7	Phu Tho	74,718	4,059	78,777	31,211	1,842	33,053	42%
8	Soc Trang	36,969	2,636	39,605	10,778	1,308	12,086	31%
9	Son La	28,819	4,773	33,592	8,794	1,349	10,143	30%
10	Tien Giang	31,006	2,122	33,128	10,269	820	11,089	33%
Total in VND mil.		800,163	214,249	1,014,412	247,830	31,225	279,055	28%
Total in USD mil.		35.893	9.611	45.504	11.117	1.401	12.518	28%

PHỤ LỤC 4: CAM KẾT CỤ THỂ CỦA DỰ ÁN - THEO HIỆP ĐỊNH

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Điều 4	1	(b) Trong quá trình thực hiện dự án và vận hành các phương tiện của Dự án, Bên vay phải thực hiện hoặc buộc phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ được quy định trong Phụ lục 5 của Hiệp định vay này.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 4	1	(a) Bên vay sẽ giao cho các ĐCTC thực hiện dự án với trách nhiệm và hiệu quả phù hợp với các ứng dụng phát triển, kinh doanh, tài chính, kỹ thuật có thể áp dụng.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	1	Bên vay phải đảm bảo dự án được thực hiện phù hợp với các thoả thuận chi tiết được quy định trong PAM. Bất kỳ thay đổi tiếp theo với PAM sẽ có hiệu lực chỉ sau khi phê duyệt thay đổi đó bằng Bên vay và ADB. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa PAM và Hiệp định này cho vay, các quy định của Hiệp định vay này sẽ được áp dụng.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 3	1	Bên vay sẽ sử dụng số vốn vay để tài trợ cho các chi tiêu của dự án phù hợp với các điều khoản của Hiệp định vay này và Hiệp định dự án.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	2	Bên vay sẽ ký kết Hiệp định vốn vay phụ với mỗi FI, cung cấp các khoản vay lại là một phần trong tiền vốn vay không vượt quá Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi chín nghìn Quyền rút vốn đặc biệt (SDR 23.239.000) tập hợp với tất cả FIs, việc thực hiện các hoạt động dự án của các FIs được mô tả chi tiết tại Phần 1 (ii) của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này, và quyền của bên Vay và ADB. Hiệp định vốn vay phụ sẽ bao gồm các điều khoản, điều kiện được ADB chấp thuận, và sẽ không ảnh hưởng, không giới hạn đến nghĩa vụ của Bên vay trong Hiệp định vay này.	Đã tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	2	(a) Bên vay sẽ (i) duy trì các tài khoản riêng biệt và lưu trữ cho Dự án; (ii) chuẩn bị báo cáo tài chính hàng năm theo các nguyên tắc kế toán được ADB chấp nhận; (iii) các báo cáo tài chính này được kiểm toán hàng năm bởi các kiểm toán viên độc lập có trình độ, kinh nghiệm và các điều khoản tham chiếu được ADB chấp thuận, phù hợp với tiêu chuẩn kiểm toán trong và ngoài nước được ADB chấp thuận; (iv) như là một phần của kiểm toán, các kiểm toán viên chuẩn bị báo cáo (bao gồm cả các ý kiến của các kiểm toán viên về việc sử dụng vốn vay và tuân thủ các thủ tục của tài khoản tạm ứng và bản sao kê chi tiêu) và thư quản lý (đưa ra các thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ của dự án đã được xác định trong quá trình kiểm toán nếu có.); và (v) cung cấp cho ADB không muộn hơn 6 tháng sau khi kết thúc năm tài chính các bản sao sao kê tài chính đã kiểm toán, báo cáo kiểm toán và thư quản lý, tất cả đều bằng tiếng Anh, và các thông tin khác liên quan đến các tài liệu này và việc kiểm toán khi ADB yêu cầu.	Đang tuân thủ.	Tài chính
			(b) ADB sẽ công bố Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo trên website của ADB.	Đang tiến hành.	
			(c) Bên vay sẽ tạo điều kiện cho ADB, theo yêu cầu của ADB, thảo luận với các kiểm toán viên về các báo cáo tài chính và các vấn đề tài chính liên quan đến Dự án theo mục (a)(iii) và sẽ ủy quyền và yêu cầu bất cứ đại diện nào của các nhà kiểm toán này tham gia vào bất cứ cuộc thảo luận nào do ADB yêu cầu. Trừ khi Bên vay có thoả thuận khác đi thì các cuộc thảo luận sẽ chỉ được tiến hành với sự có mặt của cán bộ có thẩm quyền của Bên vay.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Chương 5	2	(a) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Hiệp định vay có hiệu lực, Bên vay phải nộp bằng chứng bằng văn bản thỏa đáng cho ADB cho thấy một đơn vị hỗ trợ kỹ thuật (TSU) đã được thành lập dưới CPMU để thực hiện các hoạt động tư vấn của dự án đã được miêu tả trong PAM.	Đã tuân thủ.	Khác

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
			(b) Minh chứng được chuyển giao theo khoản (a) nói trên sẽ bao gồm: (i) Cung cấp tên của các cán bộ hợp tác của các cơ quan nhà nước đã được miêu tả trong PAM cùng nhau tham gia vào TSU; và (ii) Cung cấp tên của người đứng đầu TSU, là người sẽ được xác định trong quá trình thực hiện dự án.	Đã tuân thủ.	
			(c) Bên vay phải đảm bảo hoặc buộc CPMU đảm bảo rằng không có số tiền nào được gửi vào tài khoản phụ của TSU trừ khi và cho đến khi Bên vay đã tuân thủ khoản (a) và (b) trên và điều khoản tham chiếu của mỗi thành viên trong TSU được ADB chấp thuận. Mỗi điều khoản tham chiếu sẽ phản ánh vai trò kỹ thuật và tư vấn của TSU và sẽ không bao gồm bất cứ hoạt động nào có liên quan đến quản lý hoặc thực hiện dự án mà chỉ được thực hiện bởi đơn vị thực hiện dự án và IAs.	Đã tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Chương 5	3	Bên vay có trách nhiệm đảm bảo rằng mỗi khoản vay phụ, trừ phi được đồng ý của ADB: (i) là bằng Đồng; (ii) có một khoảng thời gian ân hạn, và tỷ lệ lãi suất được xác định bởi Bên vay phù hợp với thực tiễn cho vay của Bên vay áp dụng đối với cho vay lại nguồn vốn bên ngoài được vay của Bên vay; và (iii) được thực hiện theo các điều khoản và điều kiện khác do ADB chấp nhận.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	4	Bên vay sẽ giao cho các ĐCTC cho vay lại nguồn vốn từ Vốn vay phụ cho Bên hưởng lợi hợp lệ theo Thỏa thuận cho vay lại, Phần 2 của đoạn 2 của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này và phù hợp với các quy định của Hiệp định vay này.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	3	Ngoài các báo cáo và thông tin được quy định tại mục 6,05 của Quy chế vay, Bên vay phải cung cấp, hoặc buộc phải cung cấp cho ADB tất cả các báo cáo và thông tin theo yêu cầu của ADB một cách hợp lý liên quan đến (a) bên hưởng lợi hợp lệ, Tiểu dự án hợp lệ và các khoản vay phụ; và (b) điều kiện quản lý, hoạt động và tài chính của mỗi ĐCTC.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	4	Bên vay phải tạo điều kiện cho các đại diện của ADB kiểm tra Dự án, Hàng hóa và Công trình, bất kỳ bên hưởng lợi hợp lệ, Tiểu dự án hợp lệ và bất kỳ sổ sách và tài liệu liên quan.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 3	5	Số vốn vay sẽ được phân bổ và rút vốn phù hợp với các quy định tại Phụ lục 3 của Hiệp định vay này, Phụ lục này có thể được sửa đổi theo thỏa thuận giữa bên Vay và ADB theo từng thời điểm.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	4	Đối với mỗi dự án xây dựng cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học được tài trợ bởi một khoản vay phụ theo Phần 1 (ii) của Phụ lục 1 trong Hiệp định vay này, Bên vay có trách nhiệm đôn đốc các ĐCTC liên quan để đảm bảo rằng: (i) khoản vay phụ chỉ được thực hiện cho những người hưởng lợi đủ điều kiện cho các tiểu dự án đủ điều kiện; (ii) Công trình khí sinh học được xây dựng bởi các thợ xây có chứng nhận hoặc các nhà thầu tuân thủ với các tiêu chuẩn về kỹ thuật và môi trường có liên quan được chỉ rõ trong Tiêu chí tiểu dự án hợp lệ (iii) Tiêu chí tiểu dự án hợp lệ được thêm vào các tiêu chí đủ điều kiện vốn vay tiêu chuẩn của các ĐCTC để đảm bảo các khách hàng mục tiêu của Dự án đạt được	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	3	Trừ khi ADB có thỏa thuận khác, số tiền vốn vay phụ sẽ chỉ được sử dụng Khoản vay phụ cho Bên hưởng lợi hợp lệ cho Tiểu dự án hợp lệ và sẽ được áp dụng riêng cho chi phí về Hàng hóa, xây lắp và các khoản chi tiêu khác cần thiết để thực hiện từng Tiểu dự án hợp lệ.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	5	Bên vay phải hành động kịp thời các hoạt động bao gồm cung cấp kinh phí, cơ sở vật chất, dịch vụ và các nguồn lực khác cần thiết để tạo điều kiện cho các ĐCTC thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hiệp định dự án, và sẽ không thực hiện hoặc cho phép bất kỳ hành động nào ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ đó.	Đang tuân thủ.	Tài chính

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Chương 5	5	Đối với mỗi cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học vừa và lớn được tài trợ bởi một khoản vay phụ trong phần 2 đoạn 2 của Phụ lục 1 Hiệp định này, bên vay sẽ ưu tiên xây dựng công trình trong một CLZ.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	6	Bên vay phải đảm bảo rằng: (i) các ĐCTC cùng nhau cung cấp tài chính vốn đối ứng với một số tiền không ít hơn \$ 6.300.000 gắn với tài trợ cho các hoạt động dự án được mô tả trong Phần 2 đoạn 2 của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này; (ii) mỗi khoản vay phụ có mức lãi suất theo thỏa thuận của Bộ Tài chính và ĐCTC liên quan trong Hiệp định vốn vay phụ liên quan, (iii) tỷ lệ cho lãi suất cho mỗi khoản vay phụ được xác định dựa trên lãi suất và nhu cầu thị trường, và (iv) mỗi khoản vay phụ có các điều khoản, điều kiện khác cũng như các ĐCTC liên quan có thể có các khoản vay thêm cho khách hàng theo thời gian trong các hoạt động kinh doanh thông thường. Trong khi xác định lãi suất áp dụng và các điều khoản và điều kiện cho một khoản vay phụ, bên vay và các ĐCTC sẽ xem xét, và do đó đảm bảo rằng những người hưởng lợi có thể truy cập các nguồn tài chính chấp nhận được để xây dựng các công trình khí sinh học và bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không chỉnh sửa, miễn trừ, bổ sung hoặc các sửa đổi khác được thực hiện với các điều khoản và điều kiện của bất kỳ khoản vay phụ nào đó mà có thể gây nguy	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	6	Trừ khi ADB có thỏa thuận khác, Bên vay sẽ thực hiện việc mua sắm, buộc phải thực hiện các khoản chi tiêu được tài trợ bằng tiền của khoản vay phù hợp với các điều khoản nêu tại Phụ lục 4 của Hiệp định vay này.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 4	6	(a) Bên vay sẽ thực hiện các quyền của mình theo các Thỏa thuận vốn vay bổ sung để bảo vệ lợi ích của Bên vay và ADB và để thực hiện được mục đích của Khoản vay.	Đang tuân thủ.	Tài chính
			(b) Quyền hoặc nghĩa vụ theo các hiệp định vay phụ sẽ không được chỉ định, sửa đổi, bãi bỏ hoặc hủy bỏ mà không có sự nhất trí trước đó của ADB.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Điều 3	7	Các lần rút vốn từ Tài khoản vay cho mua sắm Hàng hóa, xây lắp và Dịch vụ tư vấn sẽ chỉ được thực hiện cho các khoản chi tiêu có liên quan tới:		Khác
			(a) Xây lắp được thực hiện tại và cung cấp từ/và Dịch vụ tư vấn và xây lắp, được cung cấp từ các nước thành viên của ADB do ADB quy định cụ thể theo từng thời điểm được coi là nguồn mua sắm hợp lệ, và	Đang tuân thủ.	
			(b) Các dịch vụ Hàng hóa, Xây lắp và tư vấn đáp ứng các yêu cầu hợp lệ khác sẽ do ADB quy định cụ thể tại từng thời điểm.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Chương 5	7	Bên vay sẽ phân bổ một nguồn quỹ cho những người hưởng lợi đủ điều kiện như là một khuyến khích tài chính để thực hiện các tiểu dự án hợp lệ và hỗ trợ phát triển thị trường các bon. Các khoản kinh phí phân bổ sẽ được thực hiện đúng theo PAM.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	8	Trong khía cạnh của một tiểu dự án khả thi, bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc CPMU, các PPMU và các ĐCTC để đảm bảo rằng kinh phí phân bổ không được chuyển vào tài khoản của người hưởng lợi có đủ điều kiện liên quan cho đến khi PPMU phối hợp với tiểu dự án khả thi đã xác nhận với ĐCTC liên quan và ADB theo đó điều tra nợ và thanh tra vật chất và sự chứng nhận theo yêu cầu của đoạn 4 (ii) ở trên, mà tiểu dự án đủ điều kiện như vậy và sự xác nhận đã tuân thủ tất cả các yêu cầu kỹ thuật, xây dựng, môi trường và các yêu cầu khác và biện pháp bảo vệ thiết lập trong Tiêu chuẩn điều kiện của tiểu dự án.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	9	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc CPMU, các PPMU và các ĐCTC để đảm bảo rằng các tiêu chí Tiểu dự án đủ điều kiện không được sửa đổi, bổ sung, miễn, hoãn lại hoặc nếu không sửa đổi trong bất kỳ cách nào mà không có sự đồng ý trước của ADB.	Đang tuân thủ.	Khác

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Chương 5	10	Bên vay phải đảm bảo rằng danh mục đầu tư của các khoản vay phụ được hạch toán và báo cáo một cách riêng biệt bởi các ĐCTC theo mẫu và ở tần số nhất định và có thể được yêu cầu bởi ADB.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	11	Bên vay ngay lập tức thông báo cho ADB bất cứ lúc nào nếu nhận được thông tin từ một ĐCTC rằng: (A) tỷ lệ phần trăm vốn vay phụ không hoạt động được tài trợ bởi ĐCTC đó có khả năng vượt quá 5% của tổng số tiền chưa chi trả của tất cả các khoản vay phụ của ĐCTC đó tại thời điểm đó, và (B) tỷ lệ phần trăm của các khoản vay phụ không hoạt động tài trợ bởi ĐCTC đó có khả năng vượt quá 10% của tổng số tiền chưa chi trả của tất cả các khoản vay phụ của ĐCTC đó tại thời điểm đó ("Giới hạn NPL"). Nếu, vào bất kỳ thời điểm nào mà nhận được thông tin từ một ĐCTC rằng giới hạn NPL đã bị vượt quá, cho đến khi có thông báo mới của ADB, Bên vay sẽ ngay lập tức chấm dứt xử lý bất kỳ hoạt động rút tiền nào tại thời điểm đó hoặc đang diễn ra ở ĐCTC đó và sẽ tạm thời đình chỉ tất cả các quá trình giải ngân trong hiện định vốn vay phụ ở ĐCTC đó.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	12	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không có các tiểu dự án liên quan đến bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện, môi trường hay tác động đến người dân bản địa hoặc các nhóm dân tộc thiểu số mà có thể được phân loại như Thể loại A, trong nội dung của Báo cáo chính sách an toàn.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	13	Bên vay phải đảm bảo rằng: (i) Dự án không có bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện trong nghĩa của Báo cáo chính sách an toàn, và (ii) các khu vực được lựa chọn cho bất kỳ tiểu dự án sẽ được nằm trên đất đã thuộc sở hữu của những người hưởng lợi đủ điều kiện do đó đảm bảo rằng các tiểu dự án sẽ không đòi hỏi bất kỳ việc thu hồi đất nào. Trong trường hợp dự án không có bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện, bên vay phải thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng dự án phù hợp với các luật và quy định của Bên vay và với Báo cáo chính sách.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	14	Bên vay phải bảo đảm hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng việc chuẩn bị, thiết kế, xây dựng, thực hiện, hoạt động và không sử dụng của mỗi tiểu dự án đủ điều kiện và các cơ sở dự án tất cả được thực hiện theo quy định: (i) tất cả các luật và quy định của Bên vay liên quan đến sức khỏe, môi trường, và an toàn; (ii) bảo vệ môi trường, (iii) EARF, và (iv) tất cả các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong IEE và EMP tương ứng, và bất kỳ hành động khắc phục hoặc phòng ngừa nào được nêu trong Báo cáo giám sát môi trường.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	15	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng việc chuẩn bị, thiết kế, thực hiện, xây dựng và hoạt động của mỗi tiểu dự án đủ điều kiện phù hợp với (i) tất cả các luật và quy định của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; (ii) biện pháp bảo vệ người bản địa, và (iii) tất cả các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong EMDP và bất kỳ hành động khắc phục hoặc phòng ngừa được nêu trong Báo cáo giám sát môi trường.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	16	Bên vay phải đảm bảo rằng các EMDP chuẩn bị cho dự án và được đồng ý với ADB được cập nhật và thực hiện đầy đủ một cách kịp thời, và có đủ nguồn lực được phân bổ cho mục đích này.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	17	17. Bên vay phải làm hoặc chỉ đạo các ĐCTC làm như sau:		An toàn
			(a) trình báo cáo giám sát môi trường định kỳ nửa năm cho ADB;	Đang tuân thủ.	
			(b) nếu bất kỳ tác động và rủi ro xã hội hoặc môi trường bất ngờ nào phát sinh trong quá trình thực hiện tiểu dự án đủ điều kiện thì phải kịp thời thông báo cho ADB sự xuất hiện của những rủi ro hoặc tác động đó, với mô tả chi tiết các sự kiện và đề xuất kế hoạch hành động khắc phục;	Đang tuân thủ.	

Khoản vay	Chương	Kho số	Nội dung	Ghi chú	Loại
			(c) báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm thực tế hoặc tiềm năng của việc tuân thủ các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong EARF và bất kỳ EMP hoặc EMDP sau khi nhận thức được hành vi vi phạm.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Chương 5	18	Bên vay phải chỉ đạo Cơ quan chủ quản dự án để đảm bảo rằng: (i) các hợp đồng cho các công việc liên quan có quy định cấm sử dụng lao động trẻ em và sự khác biệt về tiền lương giữa lao động nam và nữ cho công việc có giá trị như nhau, theo quy định của pháp luật và các quy định có liên quan của Bên vay; (ii) hợp đồng này cũng bao gồm các quy định bắt buộc về y tế, vệ sinh, môi trường và điều kiện làm việc thích hợp, và (iii) các nhà thầu và công nhân của họ quan sát các giao thức địa phương liên quan đến hành vi chấp nhận được đối với người dân địa phương.	Đang tuân thủ.	Xã hội
Khoản vay 2968	Chương 5	19	Bên vay phải đảm bảo rằng kế hoạch hành động về giới chuẩn bị cho dự án và được đồng ý từ ADB, được thực hiện đầy đủ một cách kịp thời, và có đủ nguồn lực được phân bổ cho mục đích này. Kế hoạch hành động về giới cho dự án đảm bảo rằng: (i) ít nhất 20% những người được đào tạo các vấn đề về quản lý khí sinh học và kỹ thuật là phụ nữ, (ii) ít nhất 20% những người được đào tạo và cấp giấy chứng nhận thợ xây dựng các công trình khí sinh học cỡ nhỏ là phụ nữ và ít nhất 80% trong số họ tìm được việc làm (iii) ít nhất 50% những người được đào tạo về việc sử dụng công nghệ khí sinh học, vận hành và bảo dưỡng là phụ nữ, (iv) ít nhất 50% những người được đào tạo về quản lý nông trại và quản lý chất thải là phụ nữ (v) ít nhất 30% công nhân được đào tạo về công trình khí sinh học cỡ vừa và lớn là phụ nữ, (vi) ít nhất 50% những người nhận khoản vay phụ từ các ĐCTC sẽ đăng ký đứng tên cả vợ và chồng hoặc phụ nữ đứng tên, (vii) ít nhất 50% những bản đăng ký chính thức mua sắm các hạng mục liên quan đến công trình khí sinh học thuộc dự án sẽ đứng tên cả vợ và chồng hoặc đứng tên người phụ nữ, (viii) 30% các đề tài nghiên cứu được thực hiện dưới phần 3, đoạn 2 của Phụ lục 1 Hiệp định vay này liên quan đến vấn đề giới kết hợp với công trình khí sinh học, (ix) ít nhất 40% trong số được chọn là những người giỏi nhất trong nghiên cứu và phổ biến các công nghệ CSAWMP là phụ nữ; (x) các tài liệu tập huấn về công nghệ và phương pháp phổ biến CSAWMP sẽ ưu tiên về giới và ít nhất 50% các sự kiện phổ biến và tham khảo ý kiến sẽ liên quan đến các nhóm chỉ có phụ nữ, (xi) một cơ sở dữ liệu về dân tộc thiểu số và phân biệt giới được thành lập như là một phần của việc thực hiện dự án và hệ thống giám sát được thiết lập bởi CPMU; (xii) 30% nhân viên của CPMU và PPMU là phụ nữ và CPMU và mỗi PPMU có một điểm đầu mối về giới;	Đang tuân thủ.	Xã hội
Khoản vay 2968	Chương 5	20	Bên vay phải đảm bảo rằng trong tất cả các tỉnh dự án, phổ biến thông tin, giáo dục và các hoạt động truyền thông đại chúng được thực hiện một cách kịp thời để thúc đẩy việc nhân rộng ứng dụng và sử dụng công nghệ biogas.	Đang tiến hành.	Xã hội
Khoản vay 2968	Chương 5	21	21. Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không có tiền của khoản vay nào được sử dụng để tài trợ cho bất kỳ hoạt động nào bao gồm cả trong danh sách bị cấm hoạt động đầu tư quy định tại Phụ lục 5 của Báo cáo chính sách an toàn.	Đang tuân thủ.	Khác

Khoản vay	Chương	Kho số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Chương 5	22	Bên vay phải thực hiện theo quy định và đơn đốc các Cơ quan chủ quản dự án, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC tuân thủ các chính sách chống tham nhũng của ADB (1998, được sửa đổi đến nay). Bên vay: (i) thừa nhận rằng ADB bảo vệ quyền điều tra trực tiếp, hoặc thông qua các văn phòng, bất kỳ bị cáo buộc tham nhũng, gian lận, thực hành cấu kết liên quan đến dự án, và (ii) đồng ý hợp tác với, và đơn đốc Cơ quan chủ quản, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC hợp tác đầy đủ với các cuộc điều tra và mở rộng tới các hỗ trợ cần thiết, bao gồm cả việc cung cấp quyền truy cập vào tất cả các sách và các hồ sơ có liên quan, có thể cần thiết để hoàn thành thỏa đáng điều tra đó và sẽ cho phép, và đơn đốc Cơ quan chủ quản dự án, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC để cho phép, ADB để điều tra hành vi vi phạm hoặc vi phạm tiềm năng của các chủ quản.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	23	Không giới hạn tính tổng quát của các khoản trên, Bên vay phải: (i) đảm bảo rằng Cơ quan chủ quản dự án và mỗi IA tiến hành kiểm tra định kỳ về hoạt động của nhà thầu liên quan đến rút tiền tài trợ và các khu định cư, và (ii) đảm bảo và đơn đốc Cơ quan chủ quản dự án và mỗi IA để đảm bảo rằng tất cả các hợp đồng tài trợ của ADB trong kết nối với dự án bao gồm các điều khoản quy định cụ thể quyền của ADB để kiểm toán và kiểm tra các hồ sơ và tài khoản của các nhà thầu, nhà cung cấp, tư vấn, và các nhà cung cấp dịch vụ khác có liên quan đến dự án.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	24	Nếu Bên vay hoặc ADB là hoặc nhận thức hoặc có một sự nghi ngờ hợp lý rằng bất kỳ thành viên nào của Cơ quan chủ quản Dự án, TSU, bất kỳ IA hoặc ĐCTC đã tham gia thực hiện tham nhũng hoặc gian lận (như được định nghĩa trong chính sách chống tham nhũng của ADB (1998 như sửa đổi cho đến nay)) dưới hoặc trong kết nối với dự án hoặc vốn vay, Bên vay sẽ có những hành động kịp thời và thỏa đáng cho ADB để điều tra và / hoặc khắc phục tình hình, kể cả trong trường hợp hành vi tham nhũng hoặc gian lận của một ĐCTC, yêu cầu trả nợ ngay lập tức hoặc nếu không phục hồi bất kỳ phần nào của các khoản vay phụ liên quan, trả nợ, phục hồi được thanh toán kịp thời với ADB để trả lại vốn vay. Nếu Bên vay không thực hiện hành động điều tra và / hoặc khắc phục hậu quả sự hài lòng của ADB, ADB có thể tuyên bố các ĐCTC có liên quan không đủ điều kiện, vĩnh viễn hoặc trong một thời gian quy định, được xem xét như là một nhà cung cấp tài chính trung gian hoặc bất kỳ công cụ tài chính nào khác của dự án tài trợ của ADB.	Đang tuân thủ.	Khác

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Chương 5	25	25. Ngoài các yêu cầu này, để ngăn chặn tham nhũng và tăng tính minh bạch, Bên vay có trách nhiệm tạo một trang web dự án trong vòng 5 tháng kể từ ngày có hiệu lực, có thể truy cập bởi công chúng, để đưa những thông tin khác nhau liên quan đến dự án bao gồm thông tin chung về dự án, mua sắm công liên quan đến dự án, tiến độ dự án và các chi tiết liên lạc bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trang web cũng sẽ cung cấp một liên kết đến ADB's Integrity Unit (http://www.adb.org/Integrity/complaint.asp) để báo cáo bất kỳ khiếu nại hoặc tố cáo các hành vi tham nhũng phát sinh từ các hoạt động của dự án. Mỗi hợp đồng, trang web bao gồm các thông tin, danh sách nhà thầu tham gia, tên của đơn vị trúng thầu, chi tiết cơ bản về thủ tục đấu thầu thông qua, số lượng hợp đồng trao giải thưởng, và danh sách hàng hoá / dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn, mua sắm. Bên vay phải đơn đốc Cơ quan Chủ quản Dự án để cho phép bất kỳ nhà thầu nào yêu cầu giải thích lý do tại sao không thành công và hoặc Cơ quan Chủ quản Dự án phải trả lời trong vòng 20 ngày làm việc. Trang web này sẽ được cập nhật kịp thời và thường xuyên sau mỗi hợp đồng được trao thầu (i) mỗi giải thưởng của hợp đồng, (ii) nộp Báo cáo giám sát môi trường hàng năm cho ADB. Ngoài việc đưa trên web, các bên liên quan, bao gồm các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức phi chính phủ, được cung cấp bởi Bên vay với thông tin chi tiết về mua sắm trên các bảng thông báo công khai trong	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	26	26. Bên vay có trách nhiệm và chịu trách nhiệm đảm bảo rằng Cơ quan Chủ quản Dự án, mỗi IA và mỗi ĐCTC tuân theo: (i) chính sách của ADB liên quan đến Tăng cường Vai trò của Ngân hàng Phát triển châu Á trong việc chống rửa tiền và tài trợ của khủng bố (2003); và (ii) pháp luật và quy định của Bên vay về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và vốn vay không được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp, trong hoạt động rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	27	Bên vay phải đảm bảo rằng mỗi ĐCTC lập và thực hiện các thủ tục kiểm soát nội bộ, bao gồm cả thủ tục thẩm định khách hàng, để ngăn chặn hành vi vi phạm trên đoạn 26.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	28	28. Bên vay phải đảm bảo mỗi ĐCTC kịp thời thông báo cho Bên vay và ADB nếu có bất kỳ vi phạm hoặc vi phạm tiềm năng trên đoạn 26. Trong trường hợp mà ADB thông báo một ĐCTC quan ngại của mình rằng đã có một hành động bị cáo buộc là vi phạm như vậy, thì ĐCTC có trách nhiệm: (i) hợp tác trung thực cao với ADB và các đại diện của ADB để ADB có thể xác định hành vi vi phạm như vậy đã xảy ra, (ii) đáp ứng kịp thời và chi tiết hợp lý cho bất kỳ truy vấn từ ADB, và (iii) cung cấp hỗ trợ tài liệu để đáp ứng theo yêu cầu của ADB.	Đang tuân thủ.	Khác

PHỤ LỤC 6: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ CẬP NHẬT
Tính đến 31/3/2017

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
1	Quản lý chất thải chăn nuôi		
1.1	<i>Quản lý chuỗi giá trị công trình KSH</i>		
1.1.1	Bản đồ thống kê DTTS trong các tỉnh tham gia điều tra, sinh kế của người DTTS và liên kết tiềm năng tới chuỗi giá trị công trình KSH.	Đang triển khai	<p><u>Quý 1-2017</u>: Số công trình được nhập vào phần mềm CSDL là 3.166, trong đó các tỉnh có DTTS là 2.267 chi tiết cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Lao Cai: 3 -Phu Thọ: 962 -Ha Tinh: 879 -Soc Trang: 423 <p><u>Tính đến Quý 1-2017</u> hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu cho hầm KSH theo gói thầu số 13, có thể phân tách DTTS trong các tỉnh có DTTS, đã được triển khai và cập nhật 31.772 hầm KSH của toàn Dự án. Trong đó, các Tỉnh có DTTS đã nhập được 22.974.</p>
1.1.2	Đánh giá nguồn lực và khó khăn đối với DTTS trong xây dựng Công trình KSH	Đang triển khai	Phần đánh giá đã được thực hiện thông qua lấy ý kiến các tỉnh trong tháng 11-2016. Tiếp tục đánh giá nguồn lực và khó khăn đối với DTTS trong xây dựng công trình KSH trong tương lai
1.1.3	Xây dựng công trình KSH quy mô nhỏ cho người DTTS	Đang triển khai	<p><u>Quý 1-2017</u></p> <p>Có 4 tỉnh có công trình KSH mới xây dựng: 1.652, trong đó công trình cho DTTS là 89, chiếm 5,4%. Chi tiết như sau:</p> <p><u>Lào Cai</u>: 62/225=28%</p> <p>Phú Thọ: 0/916=0%</p> <p>Bình Định: 0/344=0%</p> <p>Sóc Trăng: 27/167=16,2%</p> <p><u>Số liệu lũy kế đến hết quý 1-2017</u>, Dự án đã xây dựng tổng số hầm KSH cỡ nhỏ là 45.869 hầm, trong đó số hầm cho DTTS của 7 tỉnh được lựa chọn là 3.135 (chiếm 7% trong tổng số hầm KSH cỡ nhỏ đã xây cho toàn bộ 10 tỉnh</p>

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
1.1.4	Tổ chức chia sẻ lợi ích của chuỗi giá trị công trình KSH từ người làm chủ công trình KSH cho cộng đồng DTTS	Đang triển khai	<p>Chỉ có 1 tỉnh có hoạt động, cụ thể: Bắc Giang: - Số bài báo: 50 - Số video clip: 6</p> <p>Dự án tổ chức các hoạt động tuyên truyền khác nhau để cung cấp thông tin dự án bao gồm các đề nghị chia sẻ lợi ích chuỗi giá trị chuỗi KSH (năng lượng và phân bón hữu cơ) từ chủ công trình KSH. <u>Tính đến Quý I, 2017</u> các hoạt động truyền thông ở 10 tỉnh như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 431 hội nghị hội thảo tuyên truyền - 101 lượt truyền hình - 4,436 lượt phát thanh - 123 bài báo - 4,641 băng tin - 19,500 poster - 130,000 tờ rơi - 25 video clip - 100 sổ tay - 300 panô - 3,748 áp phích
1.1.5	Giám sát quản lý chuỗi giá trị công trình KSH trong cộng đồng DTTS	Đang triển khai	<p><u>Quý I-2017</u> 2 tỉnh đã xây dựng được 89 hầm cho DTTS, gồm: Lao Cai: 62 Soc Trang: 27</p> <p><u>Tính đến Quý I-2017:</u> Toàn bộ 10 tỉnh đã xây dựng 45.869 hầm, gồm 3.135 hầm cho DTTS, đều đã được giám sát và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật về quản lý chuỗi giá trị KSH của dự án</p>
1.2 Tiếp cận thị trường các bon			
1.2.1	Đánh giá các khoản đầu tư hướng tới DTTS có thể liên quan tới việc	Đang triển	Tất các cơ sở dữ liệu về hầm KSH của người DTTS sẽ cung cấp cho Chương trình KSH Quốc gia để hỗ trợ cho chương trình tín dụng các bon

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
	phát thải khí carbon	khai	<i>Số liệu lũy kế đến Quý 1-2017</i> , Dự án đã cung cấp 45.869 SBP, trong đó 3.135 SBP được xây dựng cho DTTS ở 5 tỉnh có DTTS (chiếm 6,8% tổng số SBP ở 10 tỉnh dự án).
1.2.2	Đào tạo các DTTS về thực hành CSAWMP có liên quan tới thị trường khí carbon	Đang triển khai	<i>Quý 1-2017</i> : không có hoạt động này ở các tỉnh có DTTS Các tỉnh không có dân tộc thiểu số có 580 người được đào tạo. <i>Số liệu lũy kế đến quý 1-2017</i> của chung toàn dự án 10 tỉnh đã đào tạo được 8.397 người về CSAWMP, trong đó dân tộc thiểu số có 1.220, chiếm 14,53% <i>Nếu tính riêng 7 tỉnh có DTTS thì số người DTTS được tập huấn chiếm 22,8% (1.220/5355)</i>
1.2.3	Đánh giá các Định chế tài chính phù hợp cho DTTS tiếp cận tín dụng		<i>Quý 1-2017</i> : có 03 tỉnh có hoạt động vay vốn tín dụng, : có 394 hộ được vay vốn, trong số đó có 148 hộ dân tộc thiểu số, chiếm 39% -Lao Cai: 143/214= 66.8% - Bac Giang: 5/129=3.9% - Binh Định: 0/51 =0% Tiến độ giải ngân của hai định chế tài chính bao gồm Ngân hàng NNPTNT và HTX rất chậm và không hiệu quả, <i>Tính đến quý 1-2017</i> , số liệu lũy kế số hộ dân tộc thiểu số được vay vốn chỉ có 268 hộ (trong tổng số 729 hộ được vay vốn) chiếm 36,8% Các tỉnh khác còn lại đều không có hộ nào vay vốn
1.3	<i>Duy trì bền vững chuỗi giá trị KSH</i>		
1.3.1	Đào tạo DTTS quản lý chăn nuôi và chất thải	Đang triển khai	Dự án cung cấp các khóa đào tạo về vận hành hầm KSH và CSAWMP cho người tham gia quản lý chăn nuôi và chất thải chăn nuôi.
1.3.1a	a) Đào tạo về CSAWMP:	Đang triển	<i>Quý 1-2017</i> : có 580 người được đào tạo về CSAWMP, trong số đó không có người nào thuộc dân tộc thiểu số

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
		khai	<i>Số liệu lũy kế đến quý 1-2017:</i> 10 tỉnh đã đào tạo được 8.397 người về CSAWMP, trong đó có 1.220 người dân tộc thiểu số, chiếm 14,53%. <u>Nếu tính riêng 7 tỉnh có DTTS</u> thì số người DTTS được tập huấn chiếm 22,8% (1.220/5.355)
1.3.2 (b)	Đào tạo về sử dụng KSH quy mô nhỏ là DTTS	Đang triển khai	<u>Quý 1-2017.</u> Chỉ có 2 tỉnh Lào Cai và Bắc Giang có đào tạo sử dụng KSH quy mô nhỏ cho 296 người, trong đó có 120 người DTTS, 5 tỉnh có DTTS còn lại không đào tạo cho người DTTS, số liệu DTTS được đào tạo như sau: Lao Cai: 120/276= 43,48% Bac Giang: 0/20=0% Số người được đào tạo về sử dụng KSH quy mô nhỏ <u>lũy kế đến Quý 1-2017</u> là 46.690, trong đó đã có 2.820 người dân tộc thiểu số (chiếm 6%) Nếu tính riêng 5 tỉnh có DTTS có 34.122 người được tập huấn, trong đó có 2820 DTTS (chiếm 8,2%)
1.3.2 (c)	Hướng dẫn vận hành tại nhà (trong quá trình KTV đi nghiệm thu, kiểm tra)	Đang triển khai	<u>Quý 1-2017,</u> có 469 người được hướng dẫn vận hành tại nhà, trong đó có 228 người DTTS, (30%) tỷ lệ người dân tộc thiểu số được hướng dẫn tại nhà như sau: Lao Cai: 201 (201/302=66,56%) Soc Trang: 27 (27/167=16,2%) Tính đến Quý 1-2017, số liệu lũy kế số người được hướng dẫn tại nhà là: 36.153, trong đó có, có 2.122 người DTTS (chiếm 5,86%). <u>Nếu tính riêng 5 tỉnh có DTTS,</u> số liệu lũy kế đến Quý 1-2017 là 26.153 người được đào tạo tại nhà, trong đó có 2.315 người DTTS, chiếm 9,2%.

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
1.3.3	Tạo điều kiện để DTTS tiếp cận tín dụng	Đang triển khai	Quý 1-2017: có 03 tỉnh có hoạt động vay vốn tín dụng: có 443 hộ được vay vốn, trong số đó có 172 hộ DTTS, chiếm 38%. Chi tiết như sau: Lao Cai: 167/263 Bac Giang: 5/129 Binh Dinh: 0/51 <i>Tính đến quý 1-2017</i> , số liệu lũy kế có 729 hộ được vay vốn, trong số đó có 268 người DTTS chiếm 36,8%. các tỉnh còn lại không có người vay vốn tín dụng
2	Chuyển giao công nghệ CSAWMP		
2.1	Phát triển CSAWMP		
2.1.1	Đảm bảo rằng các vùng DTTS có trong hệ thống bản đồ khí hậu nông nghiệp chi tiết của Dự án	Đang triển khai	Việc đưa các khu vực DTTS vào bản đồ khí hậu nông nghiệp của dự án đang được triển khai Bản đồ hiện nay đã được bên cung cấp triển khai gói thầu số 19 và ký hợp đồng vào 11/04/2016
2.1.2	Phổ biến kiến thức về CSAWMP thông qua thư viện điện tử để nâng cao kỹ năng và kiến thức cho DTTS	Chưa thực hiện	Gói thầu thư viện điện tử đang triển khai TOR cho đơn vị cung cấp tư vấn thiết kế
2.1.3	Đảm bảo phân bón hữu cơ được sử dụng tại vùng DTTS	Chưa thực hiện	
2.1.4	Đảm bảo DTTS nằm trong nhóm cộng đồng thực hiện quản lý chất thải chăn nuôi	Chưa thực hiện	

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
2.1.5	Khuyến khích ít nhất 30 % số người tham gia thúc đẩy CSAWMP thuộc các DTTS là phụ nữ	Đang triển khai	<p><u>Quý 1-2017: không có hoạt động gì.</u> <u>Số liệu lũy kế đến Quý 1-2017:</u> Dự án (bao gồm cả CPMU và 10 PPMU) đã đào tạo được 1.776 cán bộ khuyến nông về CSAWMP, trong đó có 209 cán bộ số khuyến nông là người DTTS (11,8%). Trong số 209 cán bộ khuyến nông DTTS được đào tạo có 75 phụ nữ, đạt 35,9% so với mục tiêu 30%.</p> <p><u>Quý 1-2017:</u> 3 tỉnh không có dân tộc thiểu số tập huấn cho 580 nông dân về CSAWMP <u>Số liệu lũy kế đến quý 1-2017,</u> 10 tỉnh thuộc Dự án cũng đã triển khai tập huấn được cho 6.857 nông dân về CSAWMP, trong đó có 1.037 người DTTS (chiếm 15.12%). Trong số 1.037 người DTTS, có 340 phụ nữ, chiếm 32.79%.</p>
2.2	Mô hình CSAWMP Models/ Chuyển giao phát triển công nghệ		
2.2.1	Đảm bảo rằng các nhà nghiên cứu và cán bộ khuyến nông đào tạo đúng theo tiến độ và tài liệu về CSAWMP đối với DTTS	Chưa tới hạn	
2.2.3	Phổ biến kỹ năng và kiến thức về CSAWMP cho những người chủ công trình KSH và những người nông dân trong vùng DTTS	Đang triển khai	<p><u>Quý 1-2017:</u> 7 tỉnh có DTTS không có hoạt động này <u>Số liệu lũy kế đến Quý 1-2017</u> có đến 1.037 nông dân là người DTTS được đào tạo về CSAWMP trong 7 tỉnh (chiếm 15,12% tổng số toàn Dự án)</p>
2.3	Mô hình Chuỗi giá trị công trình KSH		
2.3.1	Đánh giá mức độ dư thừa khí sinh học, điện, phụ phẩm sinh học đối với DTTS	Chưa tới hạn	Hoạt động này sẽ được thực hiện trong các gói nghiên cứu

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
2.3.2	Quản lý khí, điện và phân bón hữu cơ từ công trình KSH cho các DTTS	Đang triển khai	<p>100% DTTS được đào tạo và hướng dẫn về việc sử dụng hết khí ga, điện năng và phân hữu cơ từ hầm KSH. Dựa trên kết quả khảo sát dữ liệu cơ sở năm 2016 và các chuyên thăm thực địa của Chuyên gia Tư vấn Môi trường của LIC, các hộ tham gia dự án sử dụng chất thải sau KSH làm phân hữu cơ tưới cây cho vườn và trang trại của mình; hoặc chia sẻ với các hộ dân xung quanh. Về mặt quản lý khí ga, khí ga được dùng để nấu ăn, làm nóng nước, làm ấm chuồng gia súc hoặc chia sẻ với hàng xóm. Trong trường hợp thừa khí ga chủ hầm KSH đã đốt chúng chứ không xả trực tiếp ra môi trường.</p> <p><u>Số liệu lũy kế tính đến Quý 1-2017:</u> 1.037 nông dân DTTS của 5 tỉnh đã được đào tạo về CSAWMP (chiếm 15,12% tổng số trong dự án)</p>
3	Quản lý dự án		
3.1	Thiết lập các chỉ số hướng mục tiêu tới các DTTS trên địa bàn tỉnh	Chưa tới hạn	
3.2	Đảm bảo cán bộ chịu trách nhiệm về chính sách an toàn đưa vào hoạt động hỗ trợ người DTTS vào kế hoạch làm việc của họ	Chưa tới hạn	
3.3	Đảm bảo các định chế tài chính hỗ trợ DTTS	Ongoing	<p><u>Quý 1-2017:</u> 2 định chế tài chính đã cung cấp tín dụng cho 443 hộ, trong đó có 172 hộ DTTS ở 3 tỉnh sau đây: Lào Cai: 167/263 Bac Giang: 5/129 Binh Định: 0/51</p> <p><u>Tính đến Quý 1-2017,</u> số liệu lũy kế số hộ dân tộc thiểu số được vay vốn chỉ có 268 hộ (trong tổng số 729 hộ được vay vốn) chiếm 37%</p>

TỔNG HỢP CÁC HOẠT ĐỘNG THEO TỈNH

TT	Hoạt động	Lao Cai	Son La	Phu Tho	Bac Giang	Ha Tinh	Binh Dinh	Soc Trang	Nam Dinh	Tien Giang	Ben Tre	Tổng tính đến 31/3/2017
1	Tổng số SBP được xây dựng	2,314	1,879	8,312	7,245	4,843	7,002	2,678	4,233	2,629	4,734	45,869
	Tổng số SBP được xây dựng cho DTTS	854	925	115	394	0	0	847				3,135
2	Hoạt động tuyên truyền (không có hoạt động cụ thể cho DTTS)											
	Hội thảo tuyên truyền	66	131	38	89		11	6	58	22	10	431
	Chương trình TV	7	3	0	5	10	38	6	10	10	12	101
	Chương trình phát thanh (bằng tiếng dân tộc):	21	12	44		262	544	1,080	540	1,915	18	4,436
	Bài đăng báo				50		51		22			123
	Tờ rơi;	10,000	15,000	20,000	7,000	10,000	10,000	25,000	10,000	20,000	3,000	130,000
	Bảng thông tin				150	262	4,000	15	204	10		4,641
	Poster;		5,000	3,000				7,500			4,000	19,500
	Video clip			6	10		1	6	2			25
	Băng rôn										200	200
	Sổ tay						100					100
3	Tập huấn về vận hành BP và CSAWMP để quản lý chăn nuôi và chất thải	555	360	845	937	632	1,021	1,005	1,819	1,074	322	8,570
	Tập huấn về vận hành BP và CSAWMP cho DTTS	330	316		47			527				1,220
4	Đào tạo giảng viên cho cán bộ khuyến nông về CSAWMP	18	212	0	37	599	352		0	0	322	1,776

TT	Hoạt động	Lao Cai	Son La	Phu Tho	Bac Giang	Ha Tinh	Binh Dinh	Soc Trang	Nam Dinh	Tien Giang	Ben Tre	Tổng tính đến 31/3/2017
	Đào tạo giảng viên cho cán bộ khuyến nông DTTS về CSAWMP	2	180		1	0	0					183
5	2 định chế tài chính cung cấp tín dụng cho người tham gia	400	0	0	238	0	91	0	0	0	0	729
	2 định chế tài chính cung cấp tín dụng cho người tham gia là DTTS	258	0	0	10	0	0	0		0	0	268

Phụ lục 7:

BẢNG GIÁM SÁT KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIỚI (GAP) CẬP NHẬT

Dự án: Khoản vay 2968-VIE: Dự án Hỗ trợ nông nghiệp Carbon thấp

Trưởng Đoàn đánh giá: Sanath Ranawana

Ngày cập nhật: 5/5/2017

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ (lũy kế đến nay)	Các vấn đề/thách thức gặp phải trong thời gian thực hiện / Đề xuất giải quyết
<p>1. Cơ sở hạ tầng quản lý chất thải chăn nuôi mở rộng</p>	<p>1• Ít nhất 20% số người được đào tạo về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ</p>	<p>• Đang thực hiện: đã tổ chức 34 lớp đào tạo cho kỹ thuật viên về quản lý và kỹ thuật KSH. Trong số 1.180 người tham gia có 277 phụ nữ, đạt 23,5%.</p>	<p>- Các PPMU cần ý thức và nỗ lực đào tạo thêm nhiều kỹ thuật viên nữ trong tương lai (Lao Cai (LC),Tien Giang (TG), Soc Trang (ST), Binh Dinh (BD))</p>
	<p>2• Ít nhất 50% số người dùng được đào tạo về sử dụng hầm KSH là phụ nữ</p>	<p>• Đang thực hiện: Đã tổ chức 1.682 lớp đào tạo về sử dụng công nghệ KSH và vận hành bảo trì cho 46.716 người (bao gồm 16.443 nữ) và 36.161 người (bao gồm 24.164 nữ) được đào tạo tại nhà. Tổng số người được đào tạo là 82.877 bao gồm 40.607 nữ (49%)¹</p>	<p>Học viên là thành viên các hộ gia đình đã đăng ký nhận tiền hỗ trợ của dự án.=> PPMU chủ động nhằm đến các thành viên nữ trong hộ gia đình để đăng ký nhận hỗ trợ và đào tạo trực tiếp.</p>

¹ Ông Lam Soay, Bà Trieu Thi Kum Mang và Bà Trinh Thi Thu Van (thôn Bo Lien 2, xã Thuan Hung, huyện My Tu, tỉnh Soc Trang), các hộ này được hỗ trợ 3 triệu VND để xây SBP và đã tham gia tập huấn sử dụng biogas và quản lý chất thải ở xã và tại nhà. Theo họ, trước khi xây dựng hầm KSH, môi trường khu vực này rất ô nhiễm, do phân bò trực tiếp thải vào kênh mương. Từ khi xây dựng hầm KSH, môi trường tốt lên rất nhiều và họ sử dụng gas để đun nấu và tiết kiệm được tiền mua khí đốt. Bà Kum Mang vay 9 triệu VND từ Ngân hàng CSXH và trả lãi suất 90.000 VND/tháng.

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ (lũy kế đến nay)	Các vấn đề/thách thức gặp phải trong thời gian thực hiện / Đề xuất giải quyết
	<p>3• Ít nhất 20% những người được đào tạo về xây dựng công trình khí sinh học (KSH) cỡ nhỏ là nữ</p> <p>Được điều chỉnh thành 7% trong Đợt Đánh giá giữa kỳ (ĐGGK)</p>	<p>• Đang thực hiện: Đã tổ chức 14 khóa đào tạo về xây dựng hầm KSH cỡ nhỏ cho 375 người, trong đó có 19 phụ nữ, đạt 5%</p>	<p>- Thợ xây hầm KSH thường là các thợ chuyên nghiệp và lành nghề và được đào tạo chuyên sâu về hầm KSH. Đây là nghề đòi hỏi có tay nghề cao nhưng lại không toàn thời gian nên rất khó khăn cho phụ nữ để được đào tạo và trở thành thợ xây</p> <p>- TG,,BD và Sơn La (SL): không có học viên nữ tham gia đào tạo về xây hầm KSH) - →PPMU ở các tỉnh cần đào tạo nhiều thợ xây là nữ hơn nữa</p>
	<p>4• Ít nhất 30% số người được đào tạo về MBP và LBP là nữ. (Được điều chỉnh thành 15% trong đợt ĐGGK)</p>	<p>• Đang thực hiện: Tổ chức 2 khóa đào tạo cho 38 kỹ sư và đại diện của 10 nhà thầu bao gồm 4 phụ nữ (10.5%)</p>	<p>Ít cán bộ kỹ thuật là nữ, vì vậy công tác đào tạo kỹ thuật gặp khó khăn kh đảm bảo sự tham gia của phụ nữ</p>

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ (lũy kế đến nay)	Các vấn đề/thách thức gặp phải trong thời gian thực hiện / Đề xuất giải quyết
2. Các khoản tín dụng đầu tư cho cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị KSH	5. Ít nhất 50% người nhận tín dụng được đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc đăng ký dưới tên của phụ nữ.	• Đang thực hiện: Có 341 người vay tín dụng, trong đó 90 người đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc dưới tên của phụ nữ (26.4%).	Có thể đạt được mục tiêu nếu dự án nhắm đến phụ nữ là người đăng ký chính thức nhận hỗ trợ và tín dụng cùng một lúc.
	6• Hỗ trợ đăng ký chính thức toàn bộ các công trình KSH được cung cấp trong dự án. Ít nhất 50% công trình sẽ được đăng ký dưới tên chung của vợ và chồng hoặc dưới tên phụ nữ	• Đang thực hiện: Có 341 người vay vốn, trong đó 90 người đăng ký dưới tên phụ nữ, (26,4%). -	.
3.Tăng cường chuyên giao công nghệ CSAWMP	7• Chiến lược nghiên cứu nhạy cảm về giới được chuẩn bị	• Chưa thực hiện	Chiến lược nghiên cứu được soạn thảo vào năm 2017. Tư vấn giới sẽ phối hợp với CPMU, PPMU và nhà thầu để lồng ghép các chỉ số giới vào các hoạt động cụ thể của các nghiên cứu, hoạt động

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ (lũy kế đến nay)	Các vấn đề/thách thức gặp phải trong thời gian thực hiện / Đề xuất giải quyết
	8. Các tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP và cách thức tuyên truyền phải thân thiện với phụ nữ (tránh những định kiến về giới và sử dụng những hình ảnh minh họa thích hợp)	Đã tuân thủ: Các tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP sử dụng hình ảnh và các dẫn chứng thích hợp vì vậy phụ nữ có thể hiểu và áp dụng dễ dàng vào thực tế ² .	
	9• Ít nhất 50% các hoạt động tuyên truyền và tham vấn chỉ dành riêng cho các nhóm phụ nữ (ví dụ như sự kiện sẽ được thực hiện thông qua các cuộc gặp gỡ của liên hiệp hội phụ nữ) Được điều chỉnh thành 30% trong đợt ĐGGK	Đang thực hiện: Đã tổ chức được 431 hội nghị hội thảo truyền thông, trong đó có 4 hội nghị, hội thảo dành riêng cho phụ nữ, đạt 1% (Lào Cai: 4/66 = 6%)	Tham vấn dành riêng cho phụ nữ sẽ được tiến hành => các PPMU Các PPMU sẽ tiếp tục phối hợp với Hội phụ nữ các cấp để tổ chức tư vấn chỉ dành riêng cho phụ nữ thông qua các buổi làm việc với hội phụ nữ để thông báo về dự án và công nghệ CSAWMP.

² Bà Le Thi Chung – xã Y Sơn (huyện Ha Hoa, tỉnh Phu Tho) đã tham dự 2 lớp tập huấn (sử dụng biogas và quản lý trang trại và quản lý chất thải trang trại) và Bà Vu Thi Lien – xã Nghĩa Tân (huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định) đã tham gia các lớp tập huấn về sử dụng biogas, họ nói rằng tài liệu đào tạo được trình bày rất tốt và dễ hiểu.

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ (lũy kế đến nay)	Các vấn đề/thách thức gặp phải trong thời gian thực hiện / Đề xuất giải quyết
	<p>10• 30% các đề tài nghiên cứu (21 đề tài) liên quan đến vấn đề giới/các khía cạnh của công trình khí sinh học (KSH) như cải thiện bếp nấu ăn, cải thiện hệ thống sưởi ấm, đun nước nóng của hộ gia đình, công cụ chế biến nông sản sau thu hoạch/thiết bị sử dụng khí ga sinh học thân thiện với phụ nữ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chưa thực hiện 	<p>Chiến lược nghiên cứu CSAWMP đã được xây dựng và nghiên cứu ứng dụng về 6 đề tài CSAWMP đang được đấu thầu, danh sách 6 gói nghiên cứu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gói 25: Nghiên cứu sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học theo chuỗi giá trị) đã trình ADB danh sách ngân và hồ sơ mời nộp đề xuất kỹ thuật; - Gói 26: (Nghiên cứu cải tiến công nghệ khí sinh học và sử dụng hiệu quả khí sinh học theo chuỗi giá trị) đang trình Bộ phê duyệt sách ngân và hồ sơ mời nộp đề xuất kỹ thuật; - Gói thầu 27:(Nghiên cứu công nghệ chăn nuôi lợn tiết kiệm nước) và - gói thầu 28: Nghiên cứu sử dụng hiệu quả phế phụ phẩm trồng trọt theo chuỗi giá trị) đang trình Bộ phê duyệt để phát thầu; - Gói 29 Nghiên cứu xử lý chất thải nuôi tôm - Gói 30 Nghiên cứu kỹ thuật canh tác giảm phát thải khí nhà kính)
	<p>11• Phụ nữ chiếm ít nhất 50% người được đào tạo về quản lý trang trại và quản lý chất thải trang trại. (Chuyển từ Sản phẩm 1 sang Sản phẩm 3)</p>	<p>•Đang thực hiện: 3.564 /7.030 nông dân nữ (50,7%) đã tham gia tập huấn về quản lý trang trại và quản lý chất thải.</p>	

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ (lũy kế đến nay)	Các vấn đề/thách thức gặp phải trong thời gian thực hiện / Đề xuất giải quyết
	<p>12• Lựa chọn và đào tạo ít nhất 40% cán bộ khuyến nông nữ trong nghiên cứu và tuyên truyền công nghệ nông nghiệp ứng phó CSAWMP Được điều chỉnh thành 30% trong đợt ĐGGK</p>	<p>Đang thực hiện: Toàn Dự án đã tổ chức các lớp đào tạo cho 1,776 cán bộ khuyến nông, trong đó có 612 nữ, đạt 34,45%;</p>	
	<p>13• Tuân thủ pháp luật (ví dụ như hợp đồng lao động) và hỗ trợ thù lao cho các cán bộ khuyến nông giới.</p>	<p>Đang thực hiện: Tất cả cán bộ khuyến nông tham dự các khóa đào tạo TOT đều đã được hỗ trợ công tác phí và phát chứng chỉ.</p>	
	<p>14. 30% nhân viên của các tổ chức tham gia được đào tạo về vận hành và bảo dưỡng thiết bị nghiên cứu là phụ nữ</p>	<p>Chưa thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - CPMU đã đệ trình hồ sơ mời thầu cho gói 14 và được ADB phê duyệt. Hiện tại, gói 14 đang trình phía Việt Nam phê duyệt. - CPMU và tư vấn giới sẽ tiếp tục phối hợp với các nhà thầu để lồng ghép chỉ số 30% nhân viên phụ nữ làm việc trong cơ sở đào tạo về O&M của các thiết bị nghiên cứu là phụ nữ
<p>4.Quản lý dự án hiệu quả</p>	<p>15. Hỗ trợ quản lý dự án: CPMU và PPMU phải cử ra một cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến giới và dân tộc thiểu số.</p>	<p>Đã tuân thủ: CPMU và từng PPMU đã cử ra cán bộ làm đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến giới và DTTS. Có 11 Cán bộ đầu mối về giới đã được bổ nhiệm năm 2016 (01 cán bộ thuộc CPMU và 10 cán bộ của 10 tỉnh)</p>	

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ (lũy kế đến nay)	Các vấn đề/thách thức gặp phải trong thời gian thực hiện / Đề xuất giải quyết
	<p>16. Các hội thảo về tính nhạy cảm giới: dành cho tất cả nhân viên dự án, nhà thầu, cán bộ khuyến nông và thú y, ban chỉ đạo của các tổ chức liên quan sẽ được tổ chức ở các cấp tỉnh, huyện và xã là một phần trong chương trình định hướng của dự án</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đang thực hiện: Đã tổ chức 3 khóa đào tạo nâng cao nhận thức về giới và DTTS ở Cần Thơ, Bình Định và Thái Nguyên. Trong số 142 người tham gia có 97 phụ nữ, đạt 68% 	<p>Phần lớn học viên là nữ từ Hội phụ nữ tham gia tập huấn ít có vai trò trong dự án. => Tóm tắt về các mục tiêu Giới và GAP cho các cán bộ đầu mối và cán bộ chủ chốt của PPMU (điều phối viên, cán bộ đào tạo, cán bộ M&E, giám đốc/phó giám đốc dự án) để hỗ trợ thực hiện.</p>
	<p>17. Xây dựng và cập nhật dữ liệu về phân tách giới và dân tộc thiểu số là một phần trong hệ thống báo cáo và công tác giám sát, đánh giá dự án.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đang thực hiện: <ol style="list-style-type: none"> (i) Chuyên gia tư vấn về M&E đã triển khai hệ thống M&E và các mẫu dữ liệu về phân tách giới và dân tộc thiểu số. (ii) Cơ sở dữ liệu về các hàm KSH được chuyển vào một phần mềm quản lý dữ liệu và đã được cập nhật theo tiến độ xây dựng hàm cùng với số liệu phân tách giới và dân tộc thiểu số 	
	<p>18. 30% cán bộ của CPMU và PPMU là nữ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đã tuân thủ: Đã thành lập một CPMU và 10 PPMU vào quý 2 năm 2013. Tính đến tháng 3/2017, có 55 trên tổng số 124 nhân viên là nữ, (44.4%). 	